

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

(Công văn số/UBCK-GSĐC ngày/...../..... của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN XUÂN MINH

Giấy chứng nhận ký lần đầu ngày 03/10/2014, cấp thay đổi lần thứ 01 ngày DKDN số: 2802200078 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp đăng 08/10/2018, cấp lại ngày 06/01/2020 do thay đổi địa giới hành chính cấp lại lần 2 ngày 20/03/2020)

Địa chỉ: Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Văn phòng đại diện: Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 02373 555 099 Fax: 02373 555 069

Website: www.thuydienxuanminh.vn

Vốn điều lệ đã góp tại ngày 31/12/2020 150.000.000.000 (Bằng chữ: Một trăm năm mươi tỷ đồng)

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Phạm Quang Minh

Chức vụ: Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật

Số điện thoại: 0904693396



MỤC LỤC

I. CÁC KHÁI NIỆM.....	5
II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG	6
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	6
1.1. Thông tin về Công ty:	6
1.2. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty:.....	6
1.3. Quá trình góp vốn của Công ty:.....	7
1.4. Quá trình tăng vốn của Công ty:.....	8
1.5. Thông tin về cơ cấu cổ đông tại ngày đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng bao gồm: 8	
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty	8
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	9
4. Cơ cấu cổ đông.....	14
4.1. Cơ cấu cổ đông Công ty.....	14
4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần Công ty	15
4.3. Danh sách cổ đông sáng lập.....	15
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng.....	16
5.1. Danh sách công ty mẹ của Công ty	16
5.2. Danh sách công ty con của Công ty.....	16
5.3. Danh sách công ty liên doanh, liên kết của Công ty	16
6. Hoạt động kinh doanh.....	16
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Công ty trong giai đoạn từ năm 2019 – 30/06/2021.	18
8. Vị thế của Công ty trong ngành	19
8.1. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp trong cùng ngành.....	19
8.2. Triển vọng phát triển của ngành.	20
9. Chính sách đối với người lao động	20
9.1. Số lượng người lao động trong Công ty	20
9.2. Chính sách lương, thưởng và phúc lợi	21
10. Chính sách cổ tức	21
11. Tình hình tài chính	22
11.1. Các chỉ tiêu cơ bản	22
11.2. Các chỉ số tài chính.....	25
12. Tài sản.....	26
13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	28
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty (thông tin về trái phiếu chuyển đổi, cam kết bảo lãnh, cam kết vay, cho vay...).....	29
15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh.	29

MỤC LỤC

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty (nếu có).....	31
III. QUẢN TRỊ CÔNG TY	32
1. Hội đồng quản trị	32
1.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	32
1.2. Thành viên Hội đồng quản trị	33
1.3. Thành viên Hội đồng quản trị	34
1.4. Thành viên Hội đồng quản trị	35
1.5. Thành viên Hội đồng quản trị.....	36
2. Ban Tổng Giám đốc	37
3. Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng.....	38
3.1. Trưởng Ban Kiểm soát.....	39
3.2. Thành viên Ban Kiểm soát.....	40
3.3. Thành viên Ban Kiểm soát.....	41
3.4. Kế toán trưởng	42
4. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty	43
5. Danh sách người nội bộ và người có liên quan:.....	44
6. Thống kê các giao dịch giữa công ty với người có liên quan theo quy định (<i>các giao dịch liên quan phát sinh trong năm và kỳ gần nhất</i>).....	51
IV. CAM KẾT.....	51
V. PHỤ LỤC.....	51

DANH MỤC BẢNG BIỂU

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Quá trình thay đổi vốn của Công ty	7
Bảng 2. Cơ cấu cổ đông Công ty tại thời điểm 24/03/2021	14
Bảng 3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần Công ty tại ngày 24/03/2021	15
Bảng 4. Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty.....	15
Bảng 5. Danh sách công ty mẹ của Công ty	16
Bảng 6. Kết quả hoạt động kinh doanh Công ty năm 2019 –30/06/2021.....	18
Bảng 7. Cơ cấu lao động tại thời điểm 30/6/2021	20
Bảng 8: Các khoản phải nộp theo luật định.....	22
Bảng 9: Trích lập các quỹ theo luật định.....	23
Bảng 10: Tình hình các khoản vay và nợ thuê tài chính của Công ty giai đoạn năm 2019 –30/06/2021	23
Bảng 11: Hàng tồn kho của Công ty giai đoạn 31/12/2019 – 30/06/2021	24
Bảng 12. Các khoản phải thu giai đoạn 2019 – 30/06/2021	25
Bảng 13. Các khoản phải trả giai đoạn 2019 – 30/06/2021	25
Bảng 14. Các chỉ tiêu tài chính của công ty giai đoạn 2019-2020	25
Bảng 16. Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 30/06/2020	26
Bảng 17. Danh sách tài sản cố định có giá trị lớn tại ngày 30/06/2021	27
Bảng 18. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2021	28

I. CÁC KHÁI NIỆM

Các từ hoặc cụm từ, chữ cái viết tắt trong Bản Tóm tắt thông tin này có nghĩa như sau:

- Công ty : Công ty Cổ phần Thủy Điện Xuân Minh
- VietinBank Securities : Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam
- TTCK : Thị trường chứng khoán
- CTCP : Công ty cổ phần
- BCTC : Báo cáo tài chính
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban Kiểm soát
- BGĐ : Ban Giám đốc
- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- UBND : Ủy ban Nhân dân
- DTT : Doanh thu thuần
- CMND/CCCD : Chứng minh thư nhân dân/ Căn cước Công dân
- ĐKDN : Đăng ký doanh nghiệp
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- TNHH : Trách nhiệm hữu hạn
- LN : Lợi nhuận
- LNST : Lợi nhuận sau thuế
- SXKD : Sản xuất kinh doanh
- Luật Doanh nghiệp : Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020.

Những từ ngữ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản luật khác có liên quan.

II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHỨNG

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Thông tin về Công ty:

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN XUÂN MINH**

Tên tiếng anh: Xuân Minh Hydro Power Joint Stock Company

Tên viết tắt: XUAN MINH HP., JSC

Trụ sở chính: Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam.

Điện thoại: 02373 555 099

Fax: 02373 555 069

Giấy ĐKDN: Số 2802200078 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Tỉnh Thanh Hóa cấp đăng ký lần đầu ngày 03/10/2014, cấp lại lần 1 ngày 08/01/2018, cấp lại ngày 06/01/2020 do thay đổi địa giới hành chính, cấp lại lần 2 ngày 20/03/2020.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang Minh – Tổng Giám đốc

Vốn điều lệ hiện tại: 150.000.000.000 (Bằng chữ: Một trăm năm mươi tỷ đồng)

Vốn điều lệ thực góp: 150.000.000.000 (Bằng chữ: Một trăm năm mươi tỷ đồng)

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

Ngày đáp ứng điều kiện công ty đại chúng: Ngày 20/12/2019, Công ty đáp ứng đủ điều kiện Công ty đại chúng (về vốn điều lệ, số lượng và cơ cấu cổ đông).

Ngày 13/10/2020, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận đăng ký công ty đại chúng theo Công văn số 6116/UBCK-GSĐC

1.2. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty:

Ngày 28/12/2008, dự án thủy điện Xuân Minh chính thức được UBND tỉnh Thanh Hóa chấp nhận khảo sát, nghiên cứu khả năng đầu tư xây dựng tại văn bản số 5869/UBND-CN.

Ngày 22/04/2010, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã có Quyết định số 1938/2010/QĐ-BCT “Phê duyệt bổ sung quy hoạch bậc thang thủy điện Sông Mã”, chấp thuận đưa dự án Thủy điện Xuân Minh tại khu vực hạ lưu Sông Chu, bậc thang dưới của dự án thủy điện Cửa Đạt vào quy hoạch, bao gồm 02 tổ máy với công suất lắp máy là 15 MW tại Xã Xuân Cẩm, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Sông Chu là phụ lưu lớn nhất của Sông Mã có chiều dài 325 Km phần trong lãnh thổ Việt Nam. Do đặc điểm trên của sông nên có nguồn thủy năng dồi dào, thông qua kết quả nghiên cứu đề xuất bậc thang với các dự án đang thực hiện trong lưu vực Sông Chu, thủy điện Xuân Minh là một trong những dự án

thủy điện được nghiên cứu đề xuất xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu phụ tải theo tổng sơ đồ phát triển điện lực Việt Nam.

Căn cứ Biên bản họp cổ đông thành lập công ty cổ phần số 01/2014/XM-HTĐT ngày 09/09/2014, ngày 03/10/2014 Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh chính thức được thành lập theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 2802200078 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Tỉnh Thanh Hóa cấp đăng ký lần đầu với vốn điều lệ đăng ký 150 tỷ đồng, tại thời điểm thành lập vốn thực góp của Công ty là 9.721.333.071 đồng. Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

Tháng 05/2015: Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa đồng ý chủ trương cho Công ty làm Chủ đầu tư để triển khai dự án thủy điện Xuân Minh, huyện Thường Xuân. Dự án được khởi công ngày 08/09/2016, hoàn thành đưa vào khai thác vận hành ngày 22/9/2018, vượt 6 tháng so với kế hoạch đề ra. Công trình được các Sở, Ban, Ngành của tỉnh Thanh Hóa đánh giá cao về tiến độ chất lượng cũng như công tác an ninh trật tự, an toàn lao động và vệ sinh môi trường.

Ngày 31/12/2017, Công ty đã góp đủ 150 tỷ đồng vốn điều lệ đăng ký theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu của Công ty.

Kể từ khi đưa vào vận hành phát điện thương mại, tổ máy 1 phát điện thương mại vào ngày 29/9/2018, tổ máy 2 phát điện vào ngày 07/10/2018, đội ngũ công nhân vận hành của Công ty đã chủ động nắm bắt công nghệ, vận hành các tổ máy an toàn, đạt hiệu quả cao. Sản lượng điện và doanh thu của Nhà máy thủy điện Xuân Minh trong năm 2019 đã đạt được những kết quả khả quan: sản lượng điện đạt 63.6 triệu kWh, doanh thu thuần đạt 78,2 tỷ đồng

Tháng 07/2019: Công ty đã hoàn thành Báo cáo quyết toán vốn đầu tư công trình và đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt.

Ngày 06/01/2020: Công ty thực hiện thay đổi đăng ký doanh nghiệp do thay đổi địa giới hành chính (Địa chỉ trụ sở chính cũ: Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, xã Xuân Cẩm, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam. Địa chỉ trụ sở chính mới: Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam).

Ngày 20/3/2020, Công ty thay đổi đăng ký doanh nghiệp lần 2 do thay đổi chức danh từ Giám đốc thành Tổng Giám đốc.

Ngày 13/10/2020, Công ty đã được chấp thuận là Công ty đại chúng theo Công văn số 6116/UBCK-GSĐC của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2802200078 do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 03/10/2014, thay đổi lần thứ 02 ngày 20/3/2020, với vốn điều lệ thực góp là 150 tỷ đồng.

1.3. Quá trình góp vốn của Công ty:

Bảng 1. Quá trình thay đổi vốn của Công ty

TT	Thời gian	Vốn điều lệ (đồng)	Số vốn điều lệ tăng/giảm đi (đồng)	Phương thức tăng/giảm vốn	Cơ sở pháp lý
1	31/12/2014	9.721.333.071		Chủ sở hữu góp thêm vốn	Biên bản họp cổ đông thành lập công ty cổ phần số 01/2014/XM-HTĐT

TT	Thời gian	Vốn điều lệ (đồng)	Số vốn điều lệ tăng/giảm đi (đồng)	Phương thức tăng/giảm vốn	Cơ sở pháp lý
					ngày 09/09/2014
2	31/12/2015	18.483.603.071	8.762.270.000	Chủ sở hữu góp thêm vốn	Biên bản họp cổ đông thành lập công ty cổ phần số 01/2014/XM-HTĐT ngày 09/09/2014; Biên bản cuộc họp góp vốn của các cổ đông sáng lập số 01/2015/XM-HTĐT ngày 02/02/2015
3	31/12/2016	64.698.796.536	46.215.193.465	Chủ sở hữu và các cổ đông cá nhân góp thêm vốn	Biên bản cuộc họp HĐQT số 02/XM-BB-HĐQT ngày 15/03/2016 Nghị quyết HĐQT số 02/XM-NQ-HĐQT ngày 15/03/2016
4	31/12/2017	150.000.000.000	85.301.203.464	Chủ sở hữu và các cổ đông cá nhân góp thêm vốn	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/01/2017

Việc góp vốn của Công ty kéo dài (từ năm 2014 đến 2017) chưa tuân thủ quy định tại Luật Doanh nghiệp 2005 và Luật Doanh nghiệp 2014, Sở KHĐT tỉnh Thanh Hóa đã nhắc nhở và yêu cầu doanh nghiệp chấp hành nghiêm túc các quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật hiện hành.

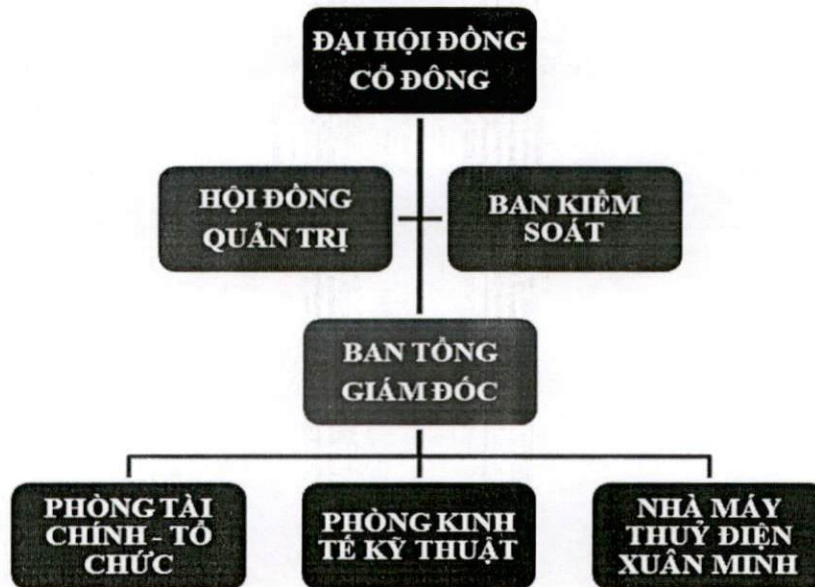
1.4. Quá trình tăng vốn của Công ty:

Từ khi thành lập cho đến nay, Công ty chưa thực hiện tăng vốn điều lệ.

1.5. Thông tin về cơ cấu cổ đông tại ngày đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng bao gồm:

- Ngày Công ty đáp ứng điều kiện công ty đại chúng: 20/12/2019
- Cơ cấu cổ đông tại ngày Công ty đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng bao gồm:
 - + Số lượng cổ đông không phải là cổ đông lớn: 101 cổ đông;
 - + Tổng số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông không phải là cổ đông lớn: 5.100.000 cổ phiếu (tương ứng tỷ lệ 34,00%).

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty



(Nguồn: Xuân Minh)

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Ban Tổng Giám đốc
- Các phòng ban chức năng

Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn theo luật pháp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty. ĐHĐCĐ thường niên họp mỗi năm 01 (một) lần trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ có thể họp bất thường theo đề nghị của HĐQT hoặc theo yêu cầu của các cổ đông. ĐHĐCĐ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- Định hướng phát triển của công ty;
- Các báo cáo/kế hoạch sau:
 - + Báo cáo tài chính hằng năm;
 - + Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của công ty;
 - + Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;

- Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị;
- Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
- Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ theo kết quả chào bán hoặc do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán hoặc kết quả chuyển đổi hoặc hoán đổi các chứng khoán có khả năng chuyển đổi hoặc hoán đổi cổ phần của công ty đã được phát hành, việc sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty trong trường hợp này sẽ do Hội đồng quản trị quyết định;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán và giao cho Hội đồng quản trị quyết định chi tiết các phương án liên quan đến việc phát hành và chào bán cổ phần của Công ty và/hoặc phát hành (riêng lẻ hoặc ra công chúng), phương án sử dụng vốn, phương án trả nợ, phương án hoán đổi hay phương án chào bán chứng chỉ lưu ký; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
- Quyết định bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
- Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Hội đồng quản trị

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là từ 05 (năm) đến 07 (bảy) người. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;
- Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người điều hành khác;
- Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; Cử người đại diện quản lý phần vốn góp, cổ phần của Công ty tại các Doanh nghiệp khác;
- Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
- Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
- Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
- Phát hành và chào bán các loại cổ phần và các loại chứng khoán khác theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ, pháp luật cũng như theo quy định khác của Đại hội đồng cổ đông;
- Phê duyệt phương án phát hành trái phiếu; Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu và các loại chứng khoán khác;
- Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
- Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;
- Các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ công ty.

Ban Kiểm soát.

BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc giám sát HĐQT, Ban Tổng Giám đốc về việc quản lý điều hành Công ty.

BKS Công ty có ba (03) thành viên; nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là năm (05) năm; thành viên BKS có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Quyền và nhiệm vụ của BKS là:

- Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
- Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc/Giám đốc và cổ đông;
- Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành

viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc/Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

- Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp;
- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và quyết định của ĐHĐCĐ.

Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Tổng Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
- Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- Vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
- Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của HĐQT.

Các phòng, ban của Công ty

Có nhiệm vụ tham mưu, giúp việc HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực liên quan và trực tiếp triển khai thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty theo kế hoạch đã được ĐHCĐ và HĐQT thông qua hoặc phê duyệt.

- **Phòng Tài chính tổ chức:**

- **Công tác tài chính:** Quản lý, kiểm soát, đánh giá hoạt động tài chính trong toàn Công ty; Thu xếp kịp thời nguồn vốn phục vụ hoạt động SXKD; Đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn Quản trị hệ thống;

- **Công tác kế toán:** Hạch toán, phản ánh đúng, đủ, kịp thời các nghiệp vụ tài chính kế toán, phù hợp với quy định của Nhà nước và các quy chế của Công ty. Lập và cung cấp các báo cáo tài chính, báo cáo quản trị khi có yêu cầu; Hoàn thành các nghĩa vụ về thuế và các nghĩa vụ khác với các đơn vị liên quan

- **Công tác tổ chức:** Chịu trách nhiệm chính trong việc nghiên cứu, xây dựng, soạn thảo các văn bản, quy trình, quy chế liên quan đến tổ chức và hoạt động của Công ty; Tham mưu và giúp việc cho Giám đốc trong công tác quản lý, sử dụng, bố trí nhân sự; Theo dõi, kiểm tra việc chấp hành các nội quy, quy chế Công ty, kiến nghị các biện pháp nhằm nâng cao kỷ luật lao động.

- **Công tác hành chính tổng hợp:** Quản lý và triển khai công tác văn thư, lưu trữ, lễ tân, bảo vệ, lái xe; Theo dõi, quản lý trang thiết bị văn phòng, đề xuất mua sắm và lên kế hoạch bảo quản phương tiện, CCDC làm việc; Điều động phương tiện vận chuyển đi lại phục vụ yêu cầu công tác.

- **Phòng Kinh tế - Kỹ thuật**

- **Lĩnh vực Kinh tế - Đầu tư:** Là đầu mối lập, xây dựng, đôn đốc, triển khai các kế hoạch SXKD được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Soạn thảo, theo dõi các Hợp đồng kinh tế theo đúng quy định; Xác nhận khối lượng, chất lượng, biện pháp để lập bảng tính giá trị khối lượng hoàn thành và lập phiếu giá thanh toán; Chủ động nghiên cứu hoặc phối hợp với các Phòng, Ban khác, tổ chức nghiên cứu đánh giá các cơ hội đầu tư trong các ngành nghề mà Công ty được phép kinh doanh. Trên cơ sở sự chấp thuận chủ trương đầu tư của Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty, tổ chức lập và trình duyệt dự án đầu tư theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước;

- **Lĩnh vực Quản lý dự án:** Tham gia quản lý, quyết toán các dự án đầu tư; Theo dõi, kiểm tra về tổng tiến độ dự án, tiến độ thi công chi tiết các hạng mục công trình làm cơ sở cho việc chỉ đạo, đôn đốc tiến độ thi công xây dựng; Tham gia thẩm định tính khả thi và tính hiệu quả của dự án đầu tư do Công ty làm chủ đầu tư; Tổ chức nghiên cứu, kiểm tra các định mức, đơn giá của Nhà nước và địa phương để tính toán các phương án kinh tế sao cho đạt hiệu quả tối ưu; Thẩm định hồ sơ năng lực của các đơn vị nhà thầu xây dựng và nhà thầu cung cấp vật tư thiết bị; Kiến nghị, đề xuất với Ban Tổng Giám đốc công ty trong việc áp dụng và thực hiện các biện pháp kỹ thuật, giải pháp kinh tế nhằm làm tăng tính hiệu quả của dự án hoặc rút ngắn tiến độ đầu tư xây dựng.

- **Lĩnh vực Thiết bị Công nghệ:** Giám sát và kiểm tra tình trạng thiết bị, lắp đặt, nghiệm thu, vận hành, bảo dưỡng định kỳ thiết bị của Nhà máy thủy điện Xuân Minh; Tham gia mua sắm thiết bị, tìm kiếm nguồn hàng thiết bị phục vụ cho vận hành Nhà máy thủy điện Xuân Minh; Tham mưu cho Tổng Giám đốc Công ty quyết định về việc, thay thế, nâng cấp các thiết

bị, hệ thống thiết bị Nhà máy thủy điện Xuân Minh; Là đầu mối liên hệ với các đơn vị ngoài Công ty trong việc quản lý kỹ thuật thiết bị, vận hành nhà máy và đường dây truyền tải, chủ trì việc kết nối nhà máy điện Xuân Minh với lưới điện Quốc gia, là đầu mối đào tạo, chuyên giao công nghệ thiết bị; Tham mưu cho Tổng Giám đốc Công ty việc quyết định đưa thiết bị đã thay thế vào hoạt động chính thức sau khi đã được kiểm định, chạy thử...và các vấn đề khác liên quan đến thiết bị.

• **Nhà máy Thủy điện Xuân Minh**

- Tổ chức, bố trí, sắp xếp lực lượng CBCNV các ca trực để đảm bảo vận hành an toàn, hiệu quả các thiết bị được giao theo Quy trình đã ban hành
- Quản lý tài sản, phương tiện, thiết bị, vật tư do công ty trang bị phục vụ yêu cầu sản xuất.
- Phối hợp với các đơn vị liên quan (Phòng KHKT, Xưởng Sửa chữa và quản lý công trình...) kiểm tra đánh giá tình trạng của thiết bị để lập kế hoạch sửa chữa hàng năm.
- Phối hợp với Phòng ban liên quan sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ hàng năm.
- Chủ động trong việc PCCC cho các thiết bị trong phạm vi quản lý.
- Tham gia nghiệm thu thiết bị, công trình sau bảo dưỡng, sửa chữa, tiểu tu, trung tu, đại tu
- Trực tiếp tham gia giám sát sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ của Công ty, khắc phục các sự cố của khối Tổ máy và các hệ thống khác...
- Thường xuyên vệ sinh thiết bị vận hành và khu vực trong Nhà máy.
- Thực hiện việc điều tiết, khai thác tối đa tiềm năng kinh tế của hồ chứa và nhiệm vụ phòng chống lụt bão theo sự chỉ đạo của Trường Ban phòng chống lụt bão của Công ty.
- Thường xuyên kiểm tra thiết bị toàn Nhà máy phát hiện và xử lý kịp thời những hư hỏng nhỏ và đề xuất phương án xử lý các hư hỏng nghiêm trọng.
- Thường xuyên cập nhật, nghiên cứu các Quy trình, Quy phạm phục vụ công tác vận hành.
- Lập kế hoạch, nội dung đào tạo CBCNV nhà máy.
- Tham gia biên soạn hoặc bổ sung các quy trình, quy phạm kỹ thuật vận hành, sửa chữa các thiết bị, chủ trì trong các đợt diễn tập xử lý sự cố, tổ chức diễn tập sự cố theo từng ca, từng cá nhân để đánh giá trình độ và kỹ năng làm việc của từng người để có kế hoạch bồi dưỡng.
- Tổ chức học tập, huấn luyện nâng cao tay nghề cho nhân viên vận hành theo quy định.
- Cập nhật hàng ngày về sản lượng điện sản xuất; Theo dõi tình trạng làm việc của thiết bị, cập nhật sơ đồ vận hành và các chế độ báo cáo thống kê theo đúng biểu mẫu đã ban hành.
- Bảo quản, quản lý, lưu giữ các tài liệu được giao.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc Công ty giao.

4. Cơ cấu cổ đông

4.1. Cơ cấu cổ đông Công ty

Bảng 2. Cơ cấu cổ đông Công ty tại thời điểm 24/03/2021

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %/VDL
I	Cổ đông trong nước, nước ngoài			
1	Trong nước	104	15.000.000	100,00%
-	Nhà nước	0	0	0
-	Tổ chức	2	8.400.000	56,00%
-	Cá nhân	102	6.600.000	44,00%
2	Trong nước	0	0	0
-	Tổ chức nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0

QUẢN TRỊ CÔNG TY

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %/VĐL
-	Cá nhân	0	0	0
	Tổng cộng	104	15.000.000	100,00%
	Cổ đông lớn, cổ đông khác			
1	Cổ đông lớn	3	5.100.000	34,00%
2	Cổ đông khác	101	9.900.000	66,00%
	Tổng cộng	104	15.000.000	100,00%

(Nguồn: Danh sách chốt cổ đông ngày 24/03/2021 do VSD cấp)

4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần Công ty

Bảng 3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần Công ty tại ngày 24/03/2021

TT	Họ và tên	Số CMND/ CCCD/ ĐKDN	Địa chỉ	Số lượng cổ phần (cổ phần)	TL % /VĐL
1	CTCP Xây dựng và Năng lượng VCP	2800799804	Tầng 19, tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP.Hà Nội	7.650.000	51,00%
2	CTCP Thép và Vật tư Công nghiệp	0100902925	Tòa nhà SIMCO, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội	750.000	5,00%
3	Nguyễn Thị Thanh Thủy	037159000708	Số 3 Khâm Thiên – Đống Đa – Hà Nội	1.500.000	10,00
	Tổng cộng			9.900.000	66,00%

(Nguồn: Danh sách chốt cổ đông ngày 24/03/2021 do VSD cấp)

4.3. Danh sách cổ đông sáng lập

Bảng 4. Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty

TT	Họ và tên	Số CMND/ CCCD/ ĐKDN	Địa chỉ	Số lượng cổ phần (cổ phần)	TL % /VĐL
1	CTCP Xây dựng và Năng lượng VCP (trước đây là Công ty CP Đầu tư xây dựng và phát triển năng lượng Vinaconex)	2800799804	Tầng 19, tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP.Hà Nội	7.650.000	51,00%
2	CTCP Thép và Vật tư Công nghiệp	0100902925	Tòa nhà SIMCO, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội	750.000	5,00%
3	Phạm Bảo Long	026074000025	P502-A3, ngõ 29 Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội	218.714	1,46%
	Tổng cộng			8.618.714	57,46%

(Nguồn: Xuân Minh)

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 119 Luật Doanh nghiệp thì cổ đông sáng lập của Công ty hiện đã hết thời gian bị hạn chế chuyển nhượng. Theo đó, cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông/nhà đầu tư khác.

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng.

5.1. Danh sách công ty mẹ của Công ty

Bảng 5. Danh sách công ty mẹ của Công ty

Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP (“VCP/Công ty CP VCP P&C”)

Địa chỉ:	Tầng 19 Toà nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP. Hà Nội.
Điện thoại:	024. 6269 9988 Fax: 024. 6269 9977
Giấy CNĐKDN:	2800799804 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 18 tháng 05 năm 2004 và Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 21 tháng 07 năm 2020
Hoạt động kinh doanh chính:	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
Vốn Điều lệ đăng ký:	569.999.930.000 đồng
Vốn Điều lệ thực góp:	569.999.930.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu:	51,00 %
Giá trị góp vốn tại Xuân Minh:	76.500.000.000 đồng

(Nguồn: Xuân Minh)

5.2. Danh sách công ty con của Công ty

Không có.

5.3. Danh sách công ty liên doanh, liên kết của Công ty

Không có.

6. Hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

CTCP Thủy Điện Xuân Minh được thành lập trên cơ sở để thực hiện đầu tư dự án thủy điện Xuân Minh nằm trên Sông Chu, thuộc địa bàn Xã Xuân Cẩm, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Dự án đã được Công ty Cổ phần VINACONEX P&C tiến hành khảo sát, nghiên cứu và lập báo cáo cơ hội đầu tư. Dự án đã hoàn thiện và đi vào hoạt động năm 2018. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là đầu tư xây dựng các dự án Thủy điện; Sản xuất kinh doanh điện năng.

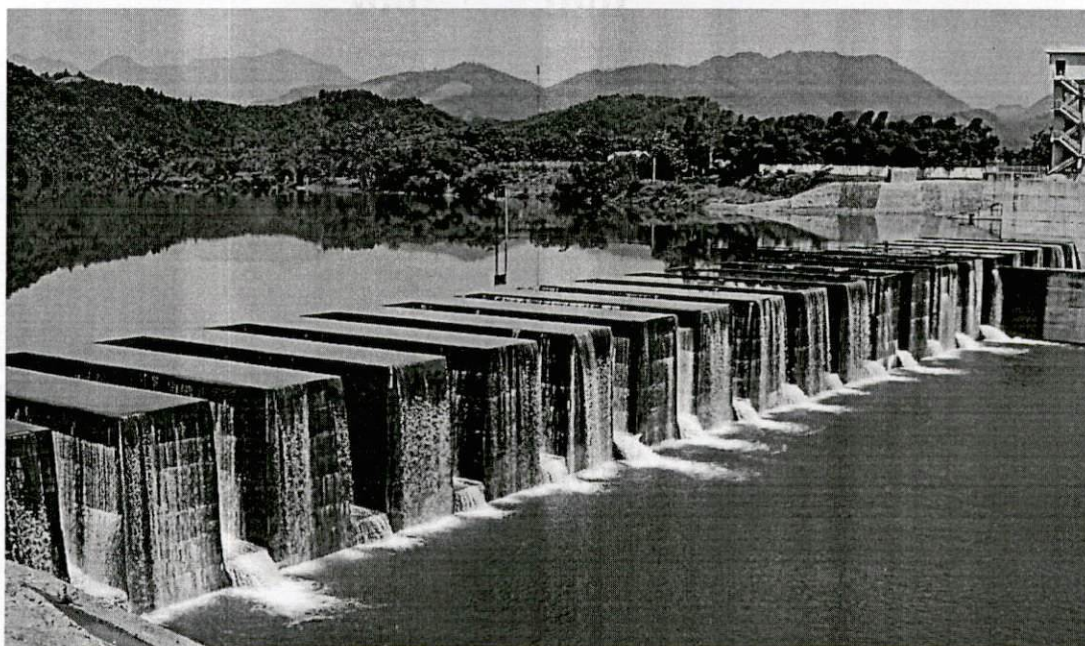
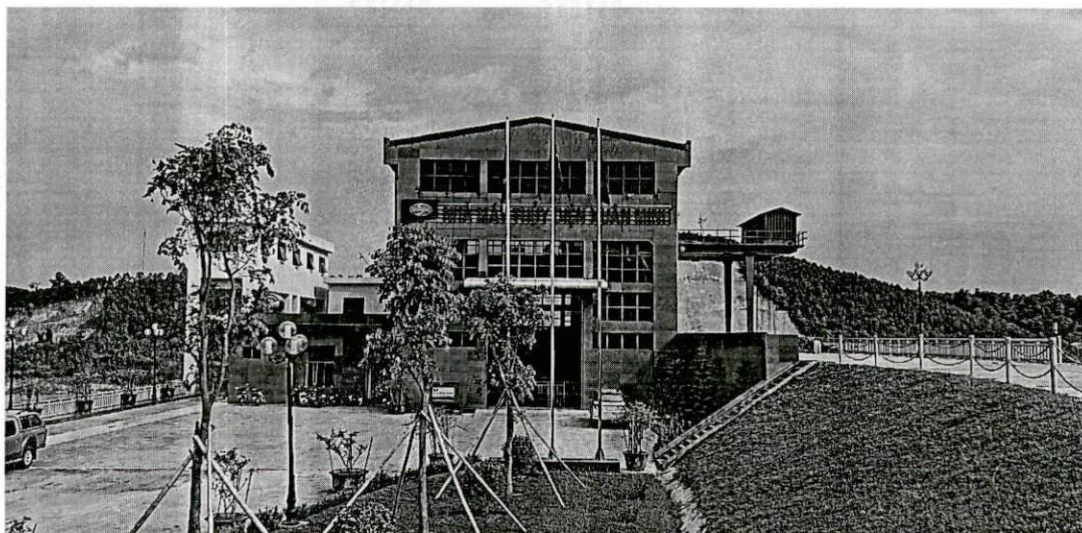
Một số thông tin về Nhà máy thủy điện Xuân Minh:

- Vị trí: Nhà máy được xây dựng trên sông Chu thuộc địa phận thôn Xuân Minh, xã Cẩm Xuân – Xuân Cao, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.
- Thông số của Nhà máy Thủy điện Xuân Minh:

Công suất lắp máy	: 15MW, gồm 2 tổ máy;
Quyết toán đầu tư	: 527,513 tỷ đồng
Tỷ lệ điện năng tự dung	: 0,23%
Cơ chế bán điện	: Hợp đồng điện PPA (áp dụng đối với các nhà máy điện có công suất lắp máy nhỏ hơn 30MW).
Giá bán điện hợp đồng	: 1.139 đồng/kWh
Sản lượng điện trung bình năm	: 66.100.000 kWh

Công trình Thủy điện Xuân Minh khởi công xây dựng ngày 08/09/2016. Sau 02 năm xây dựng, ngày 21/09/2018 tất cả các hạng mục xây lắp đã được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Một số hình ảnh Nhà máy Thủy điện Xuân Minh



7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Công ty trong giai đoạn từ năm 2019 – 30/06/2021.

Bảng 6. Kết quả hoạt động kinh doanh Công ty năm 2019 –30/06/2021

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm	30/06/2021
1	Tổng giá trị tài sản	487.695	469.615	(3,71)	467.706
2	Vốn chủ sở hữu	150.405	158.292	5,24	164.937
3	Doanh thu thuần	77.769	65.711	(15,50)	44.595
4	LN từ hoạt động kinh doanh	19.600	8.293	(57,69)	14.937
5	Lợi nhuận khác	338	-	-	-
6	Lợi nhuận trước thuế	19.938	8.293	(58,41)	14.937
7	Lợi nhuận sau thuế	19.938	8.293	(58,41)	14.937
8	Giá trị sổ sách (đồng/cp)	10.027	10.553	5,25	10.995

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2020 và BCTC kỳ 01/01- 30/6/2021 đã được soát xét)

Năm 2020, tổng tài sản của Công ty đạt 469,62 tỷ đồng, giảm 3,71% so với năm 2019, nguyên nhân là: Chỉ tiêu Tiền và các khoản tương đương tiền giảm từ 3,12 tỷ vào 2019 còn 1,2 tỷ vào 2020 (giảm 60% do tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được sử dụng để thanh toán cho các nhà cung cấp); Chỉ tiêu tạm ứng giảm từ 6,39 tỷ vào 2019 còn 3,08 tỷ vào 2020 (giảm 52% do nguồn tạm ứng được dùng để chi trả chi phí đền bù GPMB).

Đến 31/12/2020, Doanh thu thuần đạt 65,71 tỷ đồng, giảm trên 12 tỷ (15,5%) so với năm 2019. Nguồn doanh thu chủ yếu đến từ hoạt động bán điện, sụt giảm doanh thu dẫn tới lợi nhuận năm 2020 giảm mạnh trên 11 tỷ (58,41%) so với cùng kỳ năm ngoái. Nguyên nhân là do điều kiện thời tiết trong năm không thuận lợi, mưa ít, dẫn đến sản lượng điện kém hơn cùng kỳ khiến doanh thu sụt giảm. Số liệu lưu lượng nước bình quân về hồ ảnh hưởng tới sản lượng phát điện năm 2020 được thống kê như sau:

Tháng	Năm 2019		Năm 2020		Tỷ lệ lưu lượng nước về năm 2020 so với 2019
	Lưu lượng nước bình quân về hồ (m3/s)	Sản lượng điện theo lưu lượng nước về (1.000 Kwh)	Lưu lượng nước bình quân về hồ (m3/s)	Sản lượng điện theo lưu lượng nước về (1.000 Kwh)	
T1		5.123	47,28	2.638	51%
T2	66,21	3.337	60,04	3.134	91%
T3	112,67	6.287	42,53	2.373	38%
T4	115,87	6.257	34,41	1.858	30%
T5	110,38	6.159	49,39	2.756	45%
T6	97,26	5.252	60,19	3.250	62%
T7	67,74	3.780	48,21	2.690	71%
T8	135,11	7.539	119,57	6.672	88%
T9	139,50	7.533	110,31	5.957	79%
T10	90,11	5.028	92,33	5.152	102%
T11	69,43	3.749	131,83	7.119	190%
T12	64,19	3.582	103,89	5.797	162%
Cộng	96,69	63.626	75,00	49.395	78%

Đến 30/06/2021, tổng tài sản Công ty đạt 467,71 tỷ đồng, Doanh thu thuần của Công ty đạt 44,595 tỷ đồng, tương ứng 57,04% kế hoạch năm 2021, Lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt hơn 14,9 tỷ đồng, tương ứng 72,26% kế hoạch năm 2021. Doanh thu và Lợi nhuận của 6 tháng đầu năm 2021 tăng mạnh nguyên nhân do tình hình thủy văn nửa đầu năm tương đối thuận lợi, lưu lượng nước về hồ đạt 101,33m³/s, tăng 2,04 lần so với cùng kỳ năm 2020 (49,75m³/s), do đó sản lượng phát điện của Nhà máy đạt 32,29 tr.kwh, tương đương 46,98% kế hoạch năm 2021.

8. Vị thế của Công ty trong ngành

8.1. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp trong cùng ngành

So với các doanh nghiệp cùng ngành, Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh với nhà máy Thủy điện Xuân Minh mới đi vào phát điện thương mại từ cuối năm 2018, nhưng sở hữu rất nhiều lợi thế:

Thủy điện Xuân Minh nằm trong lưu vực có nguồn thủy năng dồi dào, lượng mưa tương đối ổn định qua các năm: Nhà máy Thủy điện của Công ty đang nằm trong hệ thống bậc thang thủy điện sông Chu (Là một trong hai phụ lưu lớn của Sông Mã) có chiều dài 235 km. Lượng mưa bình quân năm khoảng 1600 mm, lưu lượng bình quân năm khoảng 122,2 m³/s;

Cơ sở hạ tầng, giao thông thuận lợi: Công trình cách trung tâm Huyện Thường Xuân 3 km về phía Nam – Tây Nam nằm dưới hạ lưu công trình thủy điện Cửa Đạt 7 km thuộc quản lý của Công ty mẹ là Vinaconex P&C;

Tuy là một dự án thủy điện nhỏ, với công suất 15 MW/2 tổ máy, nhưng Thủy điện Xuân Minh là một trong những dự án thủy điện tạo được ấn tượng mạnh về tiến độ xây dựng nhanh, chất lượng thi công an toàn, hiệu quả. Hiện nay, giá trị tài sản ước tính khoảng trên 500 tỷ đồng, sản lượng phát điện đạt khoảng 75 triệu kWh, doanh thu đạt 70 tỷ/năm;

Cùng với lợi thế thủy điện nhỏ với công suất dưới 30 MW, Công ty được hưởng lợi thế thì Biểu giá tránh được do Bộ Công thương quyết định theo từng thời kỳ nên giá bán điện trung bình năm cao hơn so với giá điện thương mại của các nhà máy có công suất trên 30 MW, đặc biệt vào mùa khô.

Ngoài ra, Công ty cổ phần Thủy điện Xuân Minh còn sở hữu đội ngũ cán bộ công nhân viên trẻ, nhiệt huyết, kỹ năng, được đào tạo chuyên sâu, có trình độ kỹ thuật cao.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành.

Nhiều nghiên cứu đánh giá đã chỉ ra rằng, Việt Nam có thể khai thác được nguồn công suất thủy điện vào khoảng 25 - 26 ngàn MW, tương ứng với khoảng 90 - 100 tỷ kWh điện năng. Trong giai đoạn từ năm 2013 trở về trước, công suất đặt của thủy điện luôn chiếm phần lớn và là nguồn sản xuất điện chính của Việt Nam. Tuy nhiên, do đặc tính của thủy điện là phụ thuộc chủ yếu vào lượng mưa, dẫn đến tình trạng thiếu hụt điện vào những năm xảy ra hiện tượng El Nino. Đồng thời, khí hậu và thời tiết ngày càng trở nên khắc nghiệt hơn, hạn hán thường xuyên xảy ra khiến cho thủy điện không thể là nguồn cung điện ổn định và an toàn.

FinGroup dự báo thủy điện và nhiệt điện có triển vọng tăng trưởng khả quan trong năm tới nhờ nhu cầu tiêu thụ điện tăng mạnh trong khi điện khí tiếp tục gặp khó do thiếu hụt nguồn cung khí LNG. Trong năm 2021, nhu cầu điện thương phẩm theo EVN dự kiến tăng 10%.

Với doanh nghiệp thủy điện, hiện tượng thời tiết La Nina quay trở lại sẽ giúp lượng nước về các hồ thủy điện duy trì ở mức cao từ nay cho đến giữa năm 2021. Đây là yếu tố hỗ trợ tăng trưởng cho doanh nghiệp, đặc biệt là các công ty đang vận hành nhà máy thủy điện ở khu vực

miền Trung và miền Nam.

Theo Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, cơ cấu công suất có sự thay đổi dần theo hướng giảm dần tỷ trọng nhiệt điện than, tăng dần tỷ trọng nguồn nhiệt điện khí và năng lượng tái tạo. Tỷ trọng thủy điện cũng sẽ giảm dần do hiện đã khai thác gần hết tiềm năng. Điện năng sản xuất từ nguồn thủy điện chiếm tỷ trọng 35% vào năm 2020, 25% vào năm 2025, 18% vào năm 2030 và giảm xuống chỉ còn 8% vào năm 2050.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Tổng số người lao động trong Công ty đến ngày 30/06/2021 là: 27 người. Cụ thể như sau:

Bảng 7. Cơ cấu lao động tại thời điểm 30/6/2021

TT	Cơ cấu lao động	Số người lao động	Tỷ lệ (%)
-	Đại học và trên đại học	17	61
-	Cao đẳng	04	15
-	Trung cấp	02	8
-	Đã đào tạo qua các trường công nhân kỹ thuật dạy nghề	02	8
-	Lao động chưa qua đào tạo	02	8
	TỔNG CỘNG	27	100
	Trong đó:		
-	Lao động gián tiếp	07	26
-	Lao động trực tiếp	20	74
-	Nam	21	77
-	Nữ	06	23

(Nguồn: Xuân Minh)

9.2. Chính sách lương, thưởng và phúc lợi

Người lao động làm việc tại Công ty được hưởng đầy đủ mọi chế độ quyền lợi theo quy định của pháp luật: Luật lao động, Luật bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm thất nghiệp và các quy định của nhà nước liên quan đến chế độ và quyền lợi của người lao động.

Công ty thực hiện chi trả lương cho người lao động theo quy định của Nhà nước và chính sách tiền lương của Công ty. Tiền lương và tiền thưởng trả cho người lao động tại Công ty căn cứ vào hiệu quả kinh doanh, chức danh công việc và chế độ tiền lương do Nhà nước và Công ty quy định nhằm khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Khi thay đổi công việc, thay đổi chức vụ thì hưởng lương theo công việc mới, chức vụ mới.

Thu nhập bình quân của CBNV Công ty Giai đoạn 2018 - 2021:

- Năm 2018: 12.500.000 đồng/người/tháng
- Năm 2019: 13.628.000 đồng/người/tháng
- Năm 2020: 14.869.000 đồng/người/tháng
- Năm 2021 (dự kiến): 14.900.000 đồng/người/tháng

(Mức thu nhập nói trên bao gồm cả lương, các khoản phụ cấp và thưởng doanh thu. Mức thu nhập này đang ở mức mặt bằng chung so với các Doanh nghiệp cùng ngành cùng địa bàn)

Ngoài tiền lương chức danh, NLĐ còn được hưởng các khoản phụ cấp như: Phụ cấp chuyên cần, phụ cấp điện thoại, Phụ cấp ăn trưa, Phụ cấp công trường; hoặc lương bổ sung dựa

trên kết quả hoàn thành kế hoạch SXKD các kỳ sản xuất.

Người lao động luôn có cơ hội bổ nhiệm vào các chức vụ quản lý theo năng lực cá nhân. Công ty khuyến khích và tài trợ kinh phí cho cán bộ công nhân viên được học tập nâng cao nghiệp vụ, tay nghề trong và ngoài nước .

10. Chính sách cổ tức

Năm	Tỷ lệ cổ tức	Hình thức chi trả	Ghi chú
2018	-		
2019	12%	Bằng tiền	Đã chi trả 18.000.000.000 đồng, thời gian chi trả từ 06/3/2020
2020	5%	Bằng tiền	Thời gian chi trả: 01/7/2021

Năm 2020, do điều kiện thời tiết, cùng với ảnh hưởng của Covid 19, sản lượng phát điện của Công ty không đạt được kết quả khả quan như năm 2019. Trong khi đó, chi phí hoạt động mặc dù đã tích cực cắt giảm và điều chỉnh nhưng không thể bù đắp được thiếu hụt về sản lượng. Do đó, tỷ lệ cổ tức của Công ty năm 2020 chỉ đạt 5%.

Ngày 20/04/2021, Ngày 20/04/2021, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã thông qua phương án phân chia lợi nhuận sau thuế năm 2020. Ngày 04/6/2021, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua phương án chốt danh sách cổ đông chi trả cổ tức năm 2020. Ngày 01/7/2021, Công ty đã chi trả cổ tức cho các cổ đông đã lưu ký cổ phiếu. Đối với cổ phiếu chưa lưu ký, Công ty thực hiện chi trả từ 01/7/2021 đến nay.

11. Tình hình tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

➤ Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

➤ Trích khấu hao Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ của Công ty được ước tính phù hợp và thực hiện theo phương pháp đường thẳng theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ. Bảng khấu hao của Công ty cụ thể như sau:

STT	NHÓM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	THỜI GIAN KHẤU HAO
I	TSCĐ hữu hình	
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	Từ 20-40 năm

STT	NHÓM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	THỜI GIAN KHẤU HAO
2	Máy móc, thiết bị	Từ 06-20 năm
3	Phương tiện, vận tải truyền dẫn	08 năm
II	TSCĐ vô hình	
1	CP đền bù GPMB	47 năm
2	CP đền bù GPMB lòng hồ: Di dời các hộ sạt lở tại Vụng Láu - Tiến Sơn 1	46 năm

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2020 của Công ty)

➤ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Công ty đã thực hiện tốt các nghĩa vụ công nợ cho các nhà cung cấp và đối tác, hiện Công ty không có bất cứ khoản nợ nào quá hạn. Các khoản nợ ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đều được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong các năm qua.

➤ **Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty luôn nghiêm chỉnh thực hiện các chính sách thuế của Nhà nước cũng như các chính sách có liên quan đến người lao động. Số liệu nộp ngân sách nhà nước cụ thể các năm như sau:

Bảng 8: Các khoản phải nộp theo luật định

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
1.	Thuế giá trị gia tăng	1.775	799	664
2.	Thuế thu nhập cá nhân	175	8	-
3.	Các loại thuế khác	23	23	-
TỔNG		1.973	830	664

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2020 và BCTC Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/6/2021 đã được soát xét của Công ty)

➤ **Trích lập các quỹ theo luật định**

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là công ty cổ phần, theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, mức trích lập hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị. Tỷ lệ trích lập cụ thể từng năm như sau:

Năm 2020: trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 2,03% lợi nhuận sau thuế năm 2019 (NQ số 01/NQ/2020/ĐHĐCĐ ngày 05/03/2020).

Năm 2021: trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 9,56% lợi nhuận sau thuế năm 2020 (NQ số 01/NQ/2021/ĐHĐCĐ ngày 20/04/2021).

Số dư tại 30/06/2021 sau trích lập và sử dụng các quỹ theo luật định như sau:

Bảng 9: Trích lập các quỹ theo luật định

Đơn vị: Đồng

STT	Chi tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
1	Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	2.840.246	177.087.884
	TỔNG NỢ	-	2.840.246	177.087.884

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2020 và BCTC Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/6/2021 đã được soát xét của Công ty)

➤ **Tổng dư nợ vay**

Tính đến thời điểm 30/06/2021, tổng giá trị vay và nợ thuê tài chính của Công ty là 281.061 triệu đồng. Trong đó, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn là 43.510 triệu đồng, vay và nợ thuê tài chính dài hạn là 237.551 triệu đồng.

Bảng 10: Tình hình các khoản vay và nợ thuê tài chính của Công ty giai đoạn năm 2019 –30/06/2021

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chi tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
I	Vay ngắn hạn	40.764	50.640	45.966
A	Vay ngắn hạn	16.200	26.077	33.568
	Vay cá nhân (1)	16.200	26.077	33.568
B	Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	24.564	24.564	12.397
	Ngân hàng SHB - Chi nhánh Thăng Long (2)	24.564	24.564	12.397
C	Số có khả năng trả nợ	40.764	50.640	45.966
	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	40.764	50.640	45.966
II	Vay dài hạn	264.058	237.551	237.551
A	Vay dài hạn	264.058	237.551	237.551
	Ngân hàng SHB – Chi nhánh Thăng Long (2)	264.058	237.551	237.551
B	Nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-
C	Số có khả năng trả nợ	264.058	237.551	237.551
	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	264.058	237.551	237.551
	Tổng cộng	304.822	288.191	283.517

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2020 và BCTC Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/6/2021 đã được soát xét của Công ty)

Thông tin khoản vay ngắn hạn:

- (1) Các khoản vay cá nhân không có tài sản đảm bảo, thời hạn đến 12 tháng, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, lãi suất cố định trong khoảng thời gian vay, lãi suất từ 8%/năm đến 10%/năm;

Thông tin khoản vay dài hạn:

(2) Hợp đồng số 016/2016/HĐTDTDH-PN/SHB.110600 ngày 18/01/2016. Số tiền vay 315.000.000.000 đồng. Mục đích vay: tài trợ chi phí đầu tư xây dựng dự án Thủy điện Xuân Minh (không bao gồm VAT dự án). Thời hạn vay: 180 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên. Lãi suất vay được quy định trong từng khế ước nhận nợ. Tài sản bảo đảm là toàn bộ tài sản thuộc dự án Thủy điện Xuân Minh

➤ **Hàng tồn kho**

Bảng 11: Hàng tồn kho của Công ty giai đoạn 31/12/2019 – 30/06/2021

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
1	Nguyên vật liệu	-	642	594
2	Công cụ, dụng cụ	-	14	0
	TỔNG	-	656	594

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2020 và BCTC Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/6/2021 đã được soát xét của Công ty)

➤ **Tình hình công nợ**

Bảng 12. Các khoản phải thu giai đoạn 2019 – 30/06/2021

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	18.541	18.556	18.983
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	11.789	14.389	15.302
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	60	60	305
3	Phải thu ngắn hạn khác	6.692	4.107	3.376
II	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
	Tổng cộng	18.541	18.556	18.983

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2020 và BCTC Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/6/2021 đã được soát xét của Công ty)

Bảng 13. Các khoản phải trả giai đoạn 2019 – 30/06/2021

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
I	Nợ ngắn hạn	73.232	73.771	65.218
1	Phải trả người bán ngắn hạn	11.196	11.837	3.068
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	-	-
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.972	830	664
4	Phải trả người lao động	-	-	222

QUẢN TRỊ CÔNG TY

TT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	483	-	6.234
6	Phải trả ngắn hạn khác	18.817	10.460	8.886
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	40.764	50.641	45.966
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	3	177
II	Nợ dài hạn	264.058	237.551	237.551
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	264.058	237.551	237.551
	Tổng cộng	337.290	311.322	302.769

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2020 và BCTC Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/6/2021 đã được soát xét của Công ty)

11.2. Các chỉ số tài chính

Bảng 14. Các chỉ tiêu tài chính của công ty giai đoạn 2019-2020

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
1. Khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tại thời điểm 31/12) (Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,30	0,28
- Hệ số thanh toán nhanh (Tại thời điểm 31/12) [(Tài sản lưu động - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	Lần	0,30	0,27
2. Cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Tại thời điểm 31/12)	%	69,16	66,29
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (Tại thời điểm 31/12)	%	224,25	196,68
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	-	82,03
- Vòng quay Tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Vòng	0,16	0,14
4. Khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	25,64	12,62
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	13,26	5,37
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	4,09	1,73
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/DTT	%	25,20	12,62

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2020 của Công ty)

12. Tài sản

Bảng 15. Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2020

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ giá trị còn lại/ Nguyên giá (%)
Tài sản cố định hữu hình	463.933	422.272	91,02

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Nhà cửa, vật kiến trúc	250.909	233.967	93,25
Máy móc thiết bị	211.824	187.781	88,65
Phương tiện vận tải	1.200	525	43,75
Thiết bị DCQL	-	-	-
Tài sản cố định vô hình (*)	21.818	21.033	96,40
Tổng cộng	485.751	433.306	89,20

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2020)

Bảng 166. Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 30/06/2020

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ giá trị còn lại/ Nguyên giá (%)
Tài sản cố định hữu hình	463.933	412.816	88,98
Nhà cửa, vật kiến trúc	250.909	230.139	91,72
Máy móc thiết bị	211.824	182.227	86,03
Phương tiện vận tải	1.200	450	37,50
Thiết bị DCQL	-	-	-
Tài sản cố định vô hình (*)	21.818	20.801	95,34
Tổng cộng	485.751	433.617	89,27

(Nguồn: BCTC Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/6/2021 đã được soát xét của Công ty)

(*) Tài sản cố định vô hình gồm:

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Số dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Nguyên giá TSCĐ	21.818	-	-	21.818
Giá trị hao mòn lũy kế	785	232	-	1.017
Giá trị còn lại	21.033	-	-	20.801

(Nguồn: BCTC Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/6/2021 đã được soát xét của Công ty)

- Nguyên giá 20.102.996.170 đồng là chi phí đền bù giải phóng mặt bằng còn lại sau khi bù trừ tiền thuê đất được ghi nhận là TSCĐ vô hình theo công văn số 2825/CT-TTHT ngày 21/06/2019 của Cục thuế tỉnh Thành Hóa về việc chính sách thuế đối với tiền thuê đất và chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng.

- Nguyên giá 1.715.446.673 đồng là chi phí đền bù giải phóng mặt bằng dự án di dời các hộ dạt lở tại Vũng Lầu, thôn Tiến Sơn 1, thị trấn Thường Xuân, Thanh Hóa theo Quyết định số 3293/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện Thường Xuân về việc phê duyệt dự toán bồi thường giải phóng mặt bằng dự án di dời các hộ sạt lở tại Vũng Lầu, thôn Tiến Sơn 1, thị trấn Thường Xuân.

Bảng 177. Danh sách tài sản cố định có giá trị lớn tại ngày 30/06/2021

STT	Tên TSCĐ	Loại TSCĐ	Ngày ghi tăng	Nguyên giá (đồng)
1	Đập dâng	TSCĐ hữu hình	T11/2018	26.371.271.604
2	Đập tràn	TSCĐ hữu hình	T11/2018	91.936.774.192
3	Nhà máy và cửa lấy nước	TSCĐ hữu hình	T11/2018	103.747.358.260
4	Kênh xả	TSCĐ hữu hình	T11/2018	13.258.757.904

QUẢN TRỊ CÔNG TY

STT	Tên TSCĐ	Loại TSCĐ	Ngày ghi tăng	Nguyên giá (đồng)
5	TBA và đường dây 110KV	TSCĐ hữu hình	T11/2018	5.729.984.735
6	Hạ tầng khu QL VH	TSCĐ hữu hình	T11/2018	2.887.412.019
7	Đường công vụ	TSCĐ hữu hình	T11/2018	6.977.652.750
8	Thiết bị cơ điện nhà máy	TSCĐ hữu hình	T11/2018	151.821.172.596
8.1	Tuabin	TSCĐ hữu hình	T11/2018	46.516.891.051
8.2	Điều tốc	TSCĐ hữu hình	T11/2018	6.782.382.919
8.3	Thiết bị cơ khí phụ trợ nhà máy	TSCĐ hữu hình	T11/2018	6.089.881.722
8.4	Hệ thống thông gió và điều hòa	TSCĐ hữu hình	T11/2018	876.939.355
8.5	Máy phát và hệ thống kích từ	TSCĐ hữu hình	T11/2018	37.498.652.861
8.6	HT điều khiển, giám sát và bảo vệ	TSCĐ hữu hình	T11/2018	12.129.037.341
8.7	HT thông tin liên lạc	TSCĐ hữu hình	T11/2018	4.976.935.715
8.8	Thiết bị cấp điện áp máy phát	TSCĐ hữu hình	T11/2018	7.940.086.009
8.9	Thiết bị trạm phân phối 110kV	TSCĐ hữu hình	T11/2018	5.269.271.294
8.10	HT phân phối điện tự dùng	TSCĐ hữu hình	T11/2018	5.463.448.496
8.11	HT chiếu sáng và nguồn điện nhỏ	TSCĐ hữu hình	T11/2018	1.669.118.877
8.12	HT báo cháy và chữa cháy	TSCĐ hữu hình	T11/2018	377.400.317
8.13	HT nổi đất	TSCĐ hữu hình	T11/2018	562.629.130
8.14	Cáp, thang cáp và kết cấu đỡ cáp	TSCĐ hữu hình	T11/2018	7.459.032.807
8.15	Máy biến áp chính	TSCĐ hữu hình	T11/2018	7.647.654.414
8.16	Máy phát điện dự phòng	TSCĐ hữu hình	T11/2018	561.810.289
9	Thiết bị cơ khí thủy công	TSCĐ hữu hình	T11/2018	58.674.835.911
9.1	Cửa van vận hành cho đập tràn	TSCĐ hữu hình	T11/2018	16.531.686.394
9.2	Cửa van sửa chữa cho đập tràn	TSCĐ hữu hình	T11/2018	5.260.798.294
9.3	Cửa van sửa chữa cửa lấy nước	TSCĐ hữu hình	T11/2018	5.035.058.054
9.4	Lưới chắn rác cửa lấy nước	TSCĐ hữu hình	T11/2018	7.897.393.741
9.5	Thiết bị vớt rác cửa lấy nước	TSCĐ hữu hình	T11/2018	663.709.948
9.6	Cầu trục chân dê	TSCĐ hữu hình	T11/2018	3.535.640.747
9.7	Các thiết bị khác cho cửa lấy nước	TSCĐ hữu hình	T11/2018	540.808.599
9.8	Trang thiết bị cho cửa xả hạ lưu	TSCĐ hữu hình	T11/2018	11.394.413.943
9.9	Cầu trục gian máy	TSCĐ hữu hình	T11/2018	6.273.673.555
9.10	Thép lót ống côn xả tổ máy	TSCĐ hữu hình	T11/2018	1.541.652.636
10	Thiết bị quan trắc	TSCĐ hữu hình	T11/2018	234.707.820
11	Thiết bị điện mặt trời áp mái	TSCĐ hữu hình	T4/2020	1.093.230.000
12	Xe ô tô Fortuner 30E-61197	TSCĐ hữu hình	T7/2016	1.199.819.091
13	CP đèn bù GPMB	TSCĐ vô hình	T4/2019	20.102.996.170
14	CP đèn bù GPMB lòng hồ: Di dời các hộ sạt lở tại Vụng Láu - Tiến Sơn 1	TSCĐ vô hình	T1/2020	1.715.446.673
Tổng cộng				485.751.419.723

(Nguồn: Xuân Minh)

13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Bảng 18. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2021

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Năm 2021	
		Kế hoạch	Tăng/giảm so với năm 2020 (%)
Doanh thu thuần (Triệu đồng)	65.711	78.182	18,98
Vốn điều lệ (Triệu đồng)	150.000	150.000	-
Lợi nhuận sau thuế (Triệu đồng)	8.292	20.671	149,29
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	12,62%	26,44%	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ (%)	5,53%	13,78%	-
Cổ tức (%)	5%	10-15%	-

(Nguồn: Kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thường niên 2020 thông qua)

Kế hoạch SXKD và kế hoạch cổ tức năm 2021 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua tại nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2021.

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty được lập căn cứ các điều kiện sau:

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty được lập căn cứ vào dự đoán và ước tính dựa trên các thông tin giả định tại thời điểm lập kế hoạch. Các ước tính này có thể được điều chỉnh khi tình hình thực tế có nhiều thay đổi.

Căn cứ tình hình thủy văn và tình hình sử dụng nguồn nước của Hồ chứa nước Cửa Đạt, Công ty tính toán chuỗi lưu lượng nước về để có kế hoạch phát điện đạt sản lượng cao nhất. Dự kiến năm 2021, sản lượng mùa khô là hơn 41,4 triệu kWh và mùa mưa là 27,3 triệu kWh (chiếm 103,93% tổng công suất của nhà máy trong năm) (Công suất thiết kế của Nhà máy Thủy điện Xuân Minh 66,1 triệu kWh/năm). Tiếp tục bám sát tình hình thủy văn, tình hình giá điện trên thị trường (Ngày 09/02/2021, Bộ Công thương đã ban hành Quyết định số 650/QĐ-BCT quy định biểu giá chi phí tránh được năm 2021 áp dụng cho các nhà máy thủy điện nhỏ đầu nối với lưới điện quốc gia, với giá công suất cho cả 3 miền (đ/kWh) đạt 1.932 đ/kWh) và căn cứ vào sản điện kế hoạch từng tháng do Cục điều tiết điện quy định trong từng thời điểm xây dựng kế hoạch sản xuất phù hợp và đảm bảo doanh thu theo kế hoạch.

Với sản lượng điện sản xuất dự kiến và giá điện tránh được của Bộ Công thương quy định, ĐHĐCĐ Công ty đã thông qua kế hoạch doanh thu Công ty năm 2021 đạt 78,18 tỷ đồng (tăng 18,98% so với năm 2020). Mặt khác, tổng chi phí của Công ty (bao gồm Giá vốn hàng bán, Chi phí tài chính, Chi phí quản lý doanh nghiệp) không biến động nhiều trong các năm qua (năm 2020 là 57,5 tỷ đồng; năm 2019 là 58,1 tỷ đồng). Với tổng chi phí dự kiến năm 2021 của Công ty là 57,5 tỷ đồng (tương đương năm 2020), do đó, toàn bộ doanh thu dự kiến năm 2021 tăng so với năm 2020 (12,5 tỷ đồng) sẽ làm tăng tương ứng lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2021, đạt 20,67 tỷ đồng, tăng 149,29% so với năm 2020.

Rà soát và lên kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa: Máy móc, thiết bị vận hành ổn định là một trong những điều kiện tiên quyết đảm bảo sản lượng phát điện. Do đó, việc lập kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng cũng là căn cứ quan trọng để lập kế hoạch SXKD năm 2021. Công ty lập kế hoạch tiêu tu, đại tu các thiết bị điện cho các tổ máy phát điện, đường dây truyền tải điện và các thiết bị kết nối liên quan theo các giai đoạn cụ thể, làm cơ sở để lên phương án phát điện đạt hiệu quả.

Bên cạnh đó, trên cơ sở nguồn nhân lực hiện có, phát huy năng lực và kinh nghiệm của

cán bộ công nhân viên, Công ty tiếp tục tìm kiếm, nghiên cứu các dự án năng lượng tái tạo phù hợp với năng lực của Công ty để đầu tư, đồng thời có thể tham gia góp vốn đầu tư vào một số dự án của Công ty Cổ phần VCP P&C đang nghiên cứu, lập dự án nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty trong những năm tiếp theo.

Tính đến 30/06/2021, Doanh thu thuần của Công ty đạt 44,59 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 14,94 tỷ đồng (tương ứng lần lượt là 57,04% và 72,26% kế hoạch năm 2021). Theo đó, khả năng hoàn thành kế hoạch được ĐHCĐ đề ra trong năm 2021 là tương đối khả quan.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty (thông tin về trái phiếu chuyển đổi, cam kết bảo lãnh, cam kết vay, cho vay...).

Không có

15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh.

Trước tình hình dịch bệnh tiếp tục diễn biến phức tạp và cảnh báo thiên tai cuối năm 2020, để đạt được kế hoạch đề ra năm 2021, định hướng phát triển Công ty như sau:

➤ **Định hướng phát triển**

▪ **Đẩy mạnh hoạt động đầu tư trong lĩnh vực thủy điện, năng lượng tái tạo và một số lĩnh vực có hiệu quả và thu hồi vốn nhanh**

Việc tổ chức tốt công tác đầu tư xây dựng và quản lý vận hành Nhà máy Thủy điện Xuân Minh của Công ty trong thời gian qua đã giúp xây dựng được đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ sư có kinh nghiệm, chuyên môn cao và đã tạo được uy tín nhất định với các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức tín dụng, các đối tác trong và ngoài nước giúp cho việc mở rộng đầu tư trong lĩnh vực thủy điện, là cơ sở để triển khai các dự án năng lượng tái tạo và các dự án khác trong thời gian tới.

▪ **Tìm kiếm và mở rộng các nguồn tài chính để đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển**

Việc đầu tư xây dựng và quản lý vận hành Nhà máy Thủy điện Xuân Minh là điểm sáng để Công ty tạo mối quan hệ tốt với các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước, với các nguồn vốn vay dài hạn có chi phí hợp lý từ World Bank, SHB, ... Do vậy, thời gian tới Công ty sẽ tiếp tục tiếp cận đa dạng với các nguồn tài chính, điều hành hoạt động tài chính một cách linh hoạt, hiệu quả để có nguồn tài chính cho đầu tư phát triển với mức lãi suất hợp lý nhất.

▪ **Tiếp tục hoàn thiện công tác quản lý, điều hành; sử dụng nhân sự và mô hình quản trị cho phù hợp với thực tế phát triển của Công ty**

Trong thời gian tới, khi quy mô của Công ty tăng lên thì cần thiết phải nghiên cứu việc sử dụng nhân sự cho phù hợp, đồng thời hoàn thiện mô hình quản lý, quản trị của Công ty tránh những rủi ro và giảm thiểu những sai sót trong quá trình hoạt động SXKD. Ngoài ra, Công ty cần xây dựng chương trình/kế hoạch đào tạo nhằm nâng cao các kỹ năng quản lý, nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ, ... cho CBCNV để đáp ứng với yêu cầu hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng....

➤ **Kế hoạch phát triển**

Căn cứ định hướng, mục tiêu phát triển Công ty cho giai đoạn 2020-2025, Công ty xây dựng các mục tiêu chính như sau:

- + Vốn điều lệ: Tăng từ 150 tỷ đồng hiện nay lên 315 tỷ đồng vào năm 2025.
- + Doanh thu, thu nhập hàng năm: tăng trưởng từ 8%-12%.
- + Lợi nhuận hàng năm: tăng trưởng 10%-15%.

+ Cổ tức trung bình hàng năm: đạt từ 10-15%.

➤ **Công tác đầu tư và kế hoạch vốn giai đoạn 2021 – 2025**

- **Phương án đầu tư:**

Trên cơ sở nguồn nhân lực hiện có, phát huy năng lực và kinh nghiệm của cán bộ công nhân viên, Công ty sẽ tiếp tục tìm kiếm, nghiên cứu các dự án năng lượng tái tạo phù hợp với năng lực của Công ty để đầu tư, đồng thời có thể tham gia góp vốn đầu tư vào một số dự án của Công ty mẹ đang nghiên cứu, lập dự án nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty trong những năm tiếp theo.

Kế hoạch đầu tư và kế hoạch vốn giai đoạn từ 2021-2025:

TT	Dự án	CS thiết kế	TMĐT (tỷ.đ)	Vốn điều lệ/ Vốn tự có		Vốn góp của Công ty		Nhu cầu vốn hàng năm (tỷ đồng)						
				Tỷ lệ (%)	Giá trị (tỷ.đ)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (tỷ.đ)	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Tổng cộng	
1	Điện mặt trời áp mái	100 kWp	1,20	100	1,20	100	1,20	1,20	-	-	-	-	-	1,20
2	Thủy điện nhỏ	7-10MW	250	30	75	51	38,25	3,83	17,21	17,21	-	-	-	38,25
3	Điện gió (GD1)	30MW	1.350	30	405	15	60,75	-	30,38	30,38	-	-	-	60,75
4	Điện gió (GD2)	30MW	1.350	30	405	10	40,50	-	-	-	20,25	20,25	-	40,50
5	Nhiệt điện sinh khối/ NLTT khác	10-15MW	500	30	150	20	30,00	-	-	6,00	12,00	12,00	-	30,00
	Tổng cộng		3.451		1.036		170,70	5,03	47,59	53,59	32,25	32,25		170,70
	Nhu cầu vốn									106,20		64,50		170,70

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty (nếu có).

Không có

III. QUẢN TRỊ CÔNG TY**1. Hội đồng quản trị**

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Ông Trịnh Nguyên Khánh	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Phạm Văn Minh	Thành viên HĐQT
3	Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	Thành viên HĐQT
4	Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT
5	Ông Lê Văn Thủy	Thành viên HĐQT

1.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và Tên	: TRỊNH NGUYỄN KHÁNH
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 01/9/1982
Số CMND	: 015082000195 cấp ngày 12/12/2017 tại Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Địa chỉ liên hệ	: Số 42B, ngõ 164 ngõ Hồng Mai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kế toán
Quá trình công tác	:
Từ 05/2004 – 10/2005	: Trợ lý kiểm toán viên Công ty TNHH Kiểm toán-Tư vấn thuế ATC
Từ 11/2005 – 10/2010	: Trưởng nhóm kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học TP Hồ Chí Minh (AISC) – Chi nhánh Hà Nội
Từ 01/2011 – 12/2015	: Giám đốc Khối dịch vụ ngân hàng đầu tư Công ty CP Chứng khoán Maritime
Từ 12/2015 – 5/2016	: Giám đốc Đầu tư Công ty Thương mại dịch vụ và Môi trường Ngôi Sao Xanh
Từ 6/2016 – 3/2019	: Trưởng BKS Công ty CP Thủy điện Nậm La
Từ 3/2019 – 7/2020	: Trưởng BKS Công ty CP Vinaconex P&C
Từ 06/2016 – nay	: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư VSD (VSD Holdings),
Từ 7/2020 – nay	: Thành viên HĐQT Công ty CP VCP P&C
Từ 20/4/2021-Nay	: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thủy điện Xuân Minh
Từ 20/4/2021-Nay	: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thủy điện Bái Thượng
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	: Chủ tịch Hội đồng quản trị.
Chức vụ đang nắm giữ ở	: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư VSD

các tổ chức khác	Thành viên HĐQT Công ty CP VCP P&C Chủ tịch HĐQT Công ty CP TĐ Bái Thượng
Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng:	- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần của Công ty - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần của Công ty - Sở hữu của người có liên quan: 7.650.000 cổ phần, chiếm 51% tổng số cổ phần của Công ty <i>Công ty Cổ phần VCP P&C – mối quan hệ: Công ty mẹ, người có liên quan người nội bộ (Ông Trịnh Nguyên Khánh là thành viên HĐQT CTCP VCP P&C) - SLCP nắm giữ: 7.650.000 cổ phần, tỷ lệ 51% tổng số cổ phần của Công ty</i>
Các khoản nợ với Công ty đại chúng	: Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng	: Thù lao HĐQT
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	: Không có

1.2. Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và Tên	: PHẠM VĂN MINH
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 05/10/1976
Số CMND	: 013119609 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 06/12/2008
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Địa chỉ liên hệ	: P904, B3B Nam Trung Yên, Phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
Quá trình công tác	:
Từ 1998-2001	: Giám đốc bán hàng khu vực TP HCM Công ty CP Thực phẩm Thiên Hương
Từ 2001-2003	: Trưởng Chi nhánh phía Bắc Công ty CP Thực phẩm Thiên Hương
Từ 2003-2008	: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Nhà máy Công ty CP TP Thiên Hương miền Bắc
Từ 2008-2010	: Giám đốc Kinh doanh – Marketing Công ty CP BAAN
Từ 2010-2014	: Quyền Tổng Giám đốc Công ty CP Tôn mạ màu Fujiton

Từ 2014-2016	Phó Giám đốc Công ty CP môi trường Thuận Thành
Từ 2016-2019	Phó Tổng Giám đốc Công ty sản xuất và xuất nhập khẩu Bao bì Hà Nội
Từ 2019-3/2020	Tổng Giám đốc Công ty CP Thống nhất Hà Nội
Từ 3/2020-22/6/2020	Tổng Giám đốc Công ty CP Vinaconex P&C
Từ 22/6/2020-16/7/2020	Trợ lý Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vinaconex P&C
Từ 16/7/2020-nay	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT Công ty CP Xây dựng và năng lượng VCP
Từ 15/3/2021-Nay	Tổng Giám đốc kiêm chủ tịch HĐQT Công ty CP VCP M&E
Từ 20/4/2021-Nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Thủy điện Xuân Minh
Từ 20/4/2021-Nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Thủy điện Bái Thượng
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	: Thành viên Hội đồng quản trị
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	: Phó Chủ tịch thường trực HĐQT Công ty CP Xây dựng và năng lượng VCP Tổng GD kiêm chủ tịch HĐQT Công ty CP VCP M&E Thành viên HĐQT Công ty CP TĐ Bái Thượng
Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng:	: - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần của Công ty - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần của Công ty - Sở hữu của người có liên quan: 7.650.000 cổ phần, chiếm 51% tổng số cổ phần của Công ty <i>Công ty Cổ phần VCP P&C – mối quan hệ: Công ty mẹ, người có liên quan người nội bộ (Ông Phạm Văn Minh là Phó Chủ tịch thường trực CTCP VCP P&C) - SLCP nắm giữ: 7.650.000 cổ phần, chiếm 51% tổng số cổ phần của Công ty</i>
Các khoản nợ với Công ty đại chúng	: Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng	: Thù lao HĐQT
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	: Không có

1.3. Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và Tên	: NGUYỄN THỊ HÀ NINH
Giới tính	: Nữ
Ngày tháng năm sinh	: 10/8/1977
Số CMND	: 022177003303 do Cục CS quản lý hành chính và trật tự

xã hội cấp ngày 02/8/2019

Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Địa chỉ liên hệ	: P808 Chung cư 128 Hoàng Ngân, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	:
Từ 2000-2005	: Kế toán trưởng Công ty TM và Sản xuất Vĩnh Lộc Phát
Từ 2006-2007	: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Anh Đức
Từ 2007-3/2020	: Kế toán trưởng Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
Từ 4/2020-nay	: Giám đốc tài chính Công ty CP Đầu tư VSD (VSD Holdings)
20/04/2021 - nay	: Thành viên HĐQT Công ty CP TB Bái Thượng
20/04/2021 - nay	: Thành viên HĐQT CTCP Thủy điện Xuân Minh
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	: Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	: Giám đốc tài chính Công ty CP Đầu tư VSD (VSD Holdings) Thành viên HĐQT Công ty CP TB Bái Thượng
Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng:	: - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần của Công ty - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần của Công ty - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần của Công ty
Số lượng cổ phần nắm giữ của người có liên quan	: Không có
Các khoản nợ với Công ty đại chúng	: Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng	: Thù lao HĐQT
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	: Không có

1.4. Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và Tên	: NGUYỄN THỊ THANH THỦY
Giới tính	: Nữ

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Ngày tháng năm sinh	:	04/03/1959
Số CMND	:	013159000708 do Cục CS ĐKQLCT và DLQG về DC cấp ngày 06/03/2019
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ liên hệ	:	Số 03 phố Khâm Thiên, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân
Quá trình công tác	:	
Từ 02/2007 – nay	:	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần thép và vật tư công nghiệp
Từ 10/2014 – nay	:	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP thép và vật tư công nghiệp
Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng:	:	<ul style="list-style-type: none">- Sở hữu cá nhân: 1.500.000 cổ phần, chiếm 10% tổng số cổ phần của Công ty- Sở hữu đại diện: 750.000 cổ phần, chiếm 5% tổng số cổ phần của Công ty, đại diện cho Công ty Cổ phần Thép và Vật tư công nghiệp- Sở hữu của người có liên quan: 750.000 cổ phần, chiếm 5% tổng số cổ phần của Công ty <p><i>Công ty Cổ phần Thép và Vật tư công nghiệp – mối quan hệ: cổ đông lớn, người liên quan của người nội bộ (Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy là Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP thép và vật tư công nghiệp), SLCP nắm giữ: 750.000 cổ phần, tỷ lệ chiếm 5% tổng số cổ phần của Công ty</i></p>
Các khoản nợ với Công ty đại chúng	:	Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng	:	Thù lao HĐQT
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không có

1.5. Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và Tên	:	LÊ VĂN THUY
Giới tính	:	Nam

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Ngày tháng năm sinh : 19/12/1965
Số CMND : 171174467 do Công an Thanh Hoá cấp ngày 25/4/2013
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ liên hệ : Số 62 đường Lê Thế Long, Phường Ba Đình, Tp Thanh Hoá
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Thủy lợi
Quá trình công tác :
Từ 9/1989-9/1995 : Làm việc tại Công ty TNHH một thành viên Sông Chu
Từ 9/1995-6/2001 : Giám đốc Chi nhánh Quảng Xương – Công ty Sông Chu
Từ 6/2001-8/2003 : Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Sông Chu
Từ 8/2003-8/2007 : Phó TGD Công ty Sông Chu
Từ 8/2007-nay : TGD Công ty Sông Chu
20/04/2021 - nay : Thành viên HĐQT CTCP Thủy điện Xuân Minh
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : TGD Công ty TNHH một thành viên Sông Chu
Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng:
- Sở hữu cá nhân: 300.000 cổ phần, chiếm 2% tổng số cổ phần của Công ty
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần của Công ty
- Sở hữu của người có liên quan: 100.000 cổ phần, chiếm 0,67% tổng số cổ phần của Công ty
Bà Hoàng Thị Thu Hiền – mối quan hệ: Vợ, SLCP nắm giữ: 100.000 cổ phần, chiếm 0,67% tổng số cổ phần của Công ty
Các khoản nợ với Công ty đại chúng : Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng : Thù lao HĐQT
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không có

2. Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Ông Phạm Quang Minh	Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc:

Họ và Tên : **PHẠM QUANG MINH**
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 02/01/1980
Số CMND : 030080002925 do Cục CS QLHC về TTXH cấp ngày 02/03/2016
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ liên hệ : P704, toà nhà Vinaconex 7, Tổ 14, P. Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản lý Kinh tế
Quá trình công tác :
Từ 07/2004 – 10/2014 : Phó trưởng phòng Kinh tế - Đầu tư Công ty Cổ phần VCP P&C
Từ 11/2014 – 09/2018 : Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh
Từ 10/2018 – 02/2020 : Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh
Tháng 3/2020 - nay : Giám đốc CTCP Thủy điện Bái Thượng
Từ 03/2020 – nay : Tổng Giám đốc Công ty CP Thủy điện Xuân Minh
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Tổng Giám đốc Công ty
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng
Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng:
- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần của Công ty
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần của Công ty
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần của Công ty
Các khoản nợ với Công ty đại chúng : Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng : Theo quy định Công ty
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không có

3. Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Bà Đinh Thị Hạnh	Trưởng ban Kiểm soát
2	Ông Nguyễn Hồ Ngọc	Kiểm soát viên
3	Ông Trần Xuân Ninh	Kiểm soát viên
4	Bà Đinh Thùy Lâm	Kế toán trưởng

3.1. Trưởng Ban Kiểm soát

Họ và Tên : **ĐINH THỊ HẠNH**

Giới tính : Nữ

Ngày tháng năm sinh : 06/06/1978

Số CCCD : 024185001406 do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 18/10/2019

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ liên hệ : Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kế toán - Kiểm toán

Quá trình công tác :

Từ 12/2008 – 11/2011 : Trợ lý kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ

Từ 11/2011 – 01/2017 : Kiểm soát nội bộ Công ty CP Mediamart

Từ 2/2017 – 11/2018 : Kiểm soát nội bộ Công ty CP Nhựa Đồng Nai

Từ 12/2018 – nay : Nhân viên kế toán Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ 1960

Từ 7/2019-Nay : Thành viên BKS CTCP Đầu tư và Xây lắp Sông Đà

Từ T5/2020-Nay : Thành viên BKS Công ty CP Thủy điện Nậm La

Từ 20/4/2021-Nay : Trưởng BKS CTCP Thủy điện Bái Thượng

Từ T7/2020-Nay : Thành viên BKS CTCP Xây dựng và Năng lượng VCP

Từ 20/4/2021-Nay : Trưởng BKS CTCP Thủy điện Xuân Minh

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Trưởng Ban Kiểm soát Công ty

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : - Thành viên BKS:
 + Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Sông Đà
 + Công ty CP Thủy điện Nậm La
 + Công ty CP Xây dựng và Năng lượng VCP
 - Trưởng BKS- Công ty CP Thủy điện Bái Thượng
 - Nhân viên Kế toán Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ 1960

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại : - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần của Công ty

chúng:	- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần của Công ty - Sở hữu của người có liên quan: 7.650.000 cổ phần, chiếm 51% tổng số cổ phần của Công ty <i>Công ty Cổ phần VCP P&C – mối quan hệ: Công ty mẹ, người có liên quan người nội bộ (Bà Đinh Thị Hạnh, thành viên BKS CTCP VCP P&C)- SLCP nắm giữ: 7.650.000 cổ phần, chiếm 51% tổng số cổ phần của Công ty</i>
Các khoản nợ với Công ty đại chúng :	Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng :	Thù lao BKS
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty :	Không có

3.2. Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và Tên :	NGUYỄN HỒ NGỌC
Giới tính :	Nam
Ngày tháng năm sinh :	26/7/1991
Số CMND :	038091009818 cấp ngày 26/02/2018 tại Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Quốc tịch :	Việt Nam
Dân tộc :	Kinh
Địa chỉ liên hệ :	Số 74, ngách 196/1, Nguyễn Sơn, Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội
Trình độ văn hóa :	12/12
Trình độ chuyên môn :	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác :	
Từ 6/2012 – 5/2018 :	Kiểm toán viên Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Từ 8/2018 – 9/2019 :	Thành viên BKS Công ty CP Thực phẩm Hữu Nghị
Từ 9/2019-7/2020 :	Chuyên viên BKS nội bộ Công ty TNHH TM Dịch vụ 1960
Từ 7/2020 - nay :	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Xây dựng và Năng lượng VCP
Từ 20/4/2021-Nay :	Thành viên BKS Công ty CP Thủy điện Bái Thượng
Từ 20/4/2021-Nay :	Thành viên BKS Công ty CP Thủy điện Xuân Minh
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty :	Thành viên Ban kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Thành viên Ban Kiểm soát:
- Công ty CP Xây dựng và Năng lượng VCP
- Công ty CP Thủy điện Bái Thượng
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng: - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần của Công ty
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần của Công ty
- Sở hữu của người có liên quan: 7.650.000 cổ phần, chiếm 51% tổng số cổ phần của Công ty
Công ty Cổ phần VCP P&C – mối quan hệ: Công ty mẹ, người có liên quan người nội bộ (Ông Nguyễn Hồ Ngọc, thành viên BKS CTCP VCP P&C) - SLCP nắm giữ: 7.650.000 cổ phần, chiếm 51% tổng số cổ phần của Công ty
- Các khoản nợ với Công ty đại chúng : Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng : Thù lao BKS
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không có

3.3. Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ và Tên : **TRẦN XUÂN NINH**
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 08/09/1985
- Số CMND : 012589772do CA Hà Nội cấp ngày 29/05/2008
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ liên hệ : P 213 - A3, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác** :
- Từ 01/2008 – 06/2008 : Nhân viên kế toán Công ty CP thi công cơ giới xây lắp
- Từ 07/2008 – nay : Phó Trưởng Phòng kế toán - tài chính Công ty CP thép và vật tư công nghiệp
- Từ 10/2014 – nay : Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Thành viên Ban Kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	: Phó Trưởng Phòng kế toán - tài chính Công ty CP thép và vật tư công nghiệp
Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng:	- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần của Công ty - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần của Công ty - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần của Công ty
Các khoản nợ với Công ty đại chúng	: Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng	: Thù lao BKS
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	: Không có

3.4. Kế toán trưởng

Họ và Tên	: ĐINH THÙY LÂM
Giới tính	: Nữ
Ngày tháng năm sinh	: 23/02/1983
Số CMND	: 012150988 do CA Hà Nội cấp ngày 17/07/2006
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Địa chỉ liên hệ	: P2105, HH2B, CC Ecolake View, 32 Đại Từ, Hoàng Mai, Hà Nội
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
Quá trình công tác	:
Từ 09/2006 – 09/2015	: Cán bộ Phòng Tài chính Kế toán Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí
Từ 10/2015 – nay	: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	: Kế toán trưởng
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	: Không có
Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng:	- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần của Công ty - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần của Công ty - Sở hữu của người có liên quan: 181.400 cổ phần,

chiếm 1,21% tổng số cổ phần của Công ty

Bà Hà Thị Cán – Mối quan hệ: mẹ đẻ, SLCP nắm giữ 32.000 cổ phần, chiếm 0,21% tổng số cổ phần của Công ty;

Bà Đinh Thái Hà – Mối quan hệ: Chị giá, SLCP nắm giữ 149.400 cổ phần, chiếm 1,00% tổng số cổ phần của Công ty.

Các khoản nợ với Công ty : Không có đại chúng

Thù lao và lợi ích khác : Theo quy định của Công ty nhận được từ Công ty đại chúng

Quyền lợi mâu thuẫn với : Không có lợi ích Công ty

4. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty

Tháng 04/2021, Công ty đã tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động tuân thủ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ mẫu quy định tại Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-Cp ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Để tăng cường kế hoạch quản trị công ty, Công ty tiếp tục thực hiện rà soát lại toàn bộ bộ máy nhân sự, kiện toàn tổ chức, tái cấu trúc lại bộ máy quản lý, điều hành phù hợp với mô hình mới theo hướng tinh gọn; Tuyển nhân lực có đủ trình độ chuyên môn, năng lực, nhiệt tình công tác phù hợp theo ngành nghề Công ty đã, đang và sẽ hoạt động, đặc biệt trẻ hóa lực lượng lao động có kết hợp với một số cán bộ, nhân viên có trình độ, có năng lực công tác, kinh nghiệm làm việc. Công ty có kế hoạch tiến hành rà soát; xây dựng các quy chế, quy định đảm bảo tuân thủ theo hướng dẫn tại Nghị định hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, cụ thể:

- Tiếp tục hoàn thiện các quy chế quản lý nhằm tăng cường hiệu lực hoạt động của bộ máy, nâng cao tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị: Quy chế quản trị nội bộ công ty; Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT; Các quy chế và quy định nội bộ khác;

- Đổi mới phương thức quản trị doanh nghiệp theo hướng phân quyền cụ thể cho từng cấp quản trị, gắn trách nhiệm với quyền lợi theo hướng đạt hiệu quả cao thì được hưởng lương cao, được đề bạt giữ trọng trách cao hơn trong bộ máy quản lý và ngược lại có biện pháp xử lý khi thực thi công việc không hiệu quả hoặc không đạt kế hoạch được giao;

- Đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho CBNV. Chính sách lương, thưởng đảm bảo công bằng, công khai, gắn với hiệu quả và chất lượng làm việc nhằm tạo động lực để CBNV phát huy sáng tạo trong công việc;

- Tiếp tục thực hiện việc cơ cấu tổ chức để tuân thủ quy định hiện hành về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

- Thực hiện nghiêm túc Điều lệ và các quy định theo quy định tại Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và các văn bản hướng dẫn thi hành khi trở thành công ty đại chúng;

- Tiếp tục hoàn thiện các chính sách đối với người lao động nhằm thu hút nhân tài;

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về công bố thông tin.

5. Danh sách người nội bộ và người có liên quan:

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN ĐKDN, GPXH hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)			Cổ phần nắm giữ		Mối quan hệ/Chức vụ
		Số CMND/Hộ chiếu/ĐKDN	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty	
1	Trịnh Nguyên Khánh	015082000195	12/12/2017	ĐKQL cư trú và DLQD về dân cư	0	0	Chủ tịch HĐQT
1.1	Nguyễn Thị Thanh	013261830	09/03/2010	CA TP Hà Nội	0	0	Mẹ đẻ
1.2	Trịnh Nguyên Cường	013261829	09/03/2010	CA TP Hà Nội	0	0	Bố đẻ
1.3	Trịnh Khánh Dung	013261831	09/03/2010	CA TP Hà Nội	0	0	Em gái
1.4	Nguyễn Văn Hợp	012987661	01/08/2007	CA TP Hà Nội	0	0	Em rể
1.5	Nguyễn Thị Thu Thủy	001184014707	21/12/2017	ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	0	0	Vợ
1.6	Bùi Thị Yên	001156004621	31/03/2016	ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	0	0	Mẹ vợ
1.7	Nguyễn Minh Tùng	010510629	21/02/2006	CA TP Hà Nội	0	0	Bố vợ
1.8	Trịnh Khánh Hà	Chưa có CMND			0	0	Con
1.9	Trịnh Hải Nam	Chưa có CMND			0	0	Con
1.10	Công ty CP XD&NL VCP	2800799804	18/05/2004	Sở KH&ĐT Thanh Hóa	7.650.000	51%	Thành viên HĐQT
1.11	Công ty CP Cơ điện VCP	0109298049	07/8/2020	Sở KH&ĐT TP Hà Nội	0	0	Thành viên HĐQT
1.12	Công ty CP Thủy điện Bái Thượng	2801952893	02/05/2013	Sở KH&ĐT TP Thanh Hóa	0	0	Chủ tịch HĐQT
1.12	Công ty CP TB phụ tùng Sài Gòn	0300542187	01/03/2005	Sở KH&ĐT TP HCM	0	0	Chủ tịch HĐQT
2	Phạm Văn Minh	013119609	06/12/2008	CA Hà Nội	0	0	Thành viên HĐQT
2.1	Phạm Văn Cường	125254327	18/6/2019	Công an Bắc Ninh	0	0	Bố
2.2	Nguyễn Thị Huệ	125463699	05/9/2008	Công an Bắc Ninh	0	0	Mẹ
2.3	Phạm Thị Thúy Vân	027179000668	30/12/2019	Công an TP Hà Nội	0	0	Em gái
2.4	Đỗ Thị Yên	013119608	09/01/2014	Công an TP Hà Nội	0	0	Vợ
2.5	Phạm Minh Yên Nhi	027304000169	02/5/2019	Công an TP Hà Nội	0	0	Con gái
2.6	Phạm Minh Hiếu	Chưa có CMND					Con trai

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN ĐKDN, GPMD hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)			Cổ phần nắm giữ		Mối quan hệ/Chức vụ
		Số CMND/Hộ chiếu/ĐKDN	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty	
2.7	Phạm Minh Yến Trang	Chưa có CMND					Con gái
2.8	Đỗ Văn Trại						Bố vợ (đã mất)
2.9	Lương Thị Hạnh	125494121	27/3/2009	Công an Bắc Ninh	0	0	Mẹ vợ
2.10	Nguyễn Xuân Dương	012088763	27/7/2013	Công an Thành phố Hà Nội	0	0	Em rể
2.11	Công ty CP XD&NL VCP	2800799804	18/05/2004	Sở KH&ĐT Thanh Hóa	7.650.000	51%	Phó chủ tịch thường trực HĐQT
2.12	Công ty CP Cơ điện VCP	0109298049	07/8/2020	Sở KH&ĐT TP Hà Nội	0	0	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD
2.13	Công ty CP Thủy điện Bái Thượng	2801952893	02/05/2013	Sở KH&ĐT TP Thanh Hóa	0	0	Thành viên HĐQT
2.14	Công ty CP Thủy điện Nậm La	5500290578	10/8/2007	Sở KH&ĐT Sơn La	0	0	Thành viên HĐQT
3	Nguyễn Thị Hà Ninh	013272892	03/12/2010	CA Hà Nội	0	0	Thành viên HĐQT
3.1	Nguyễn Văn Định	13444674	20/07/2011	CA Hà Nội	0	0	Bố đẻ
3.2	Khổng Thị Lâm	013457049	13/07/2011	CA Hà Nội	0	0	Mẹ đẻ
3.3	Cao Sơn Hải	013272893	03/12/2010	CA Hà Nội	0	0	Chồng
3.4	Cao Nguyên Khánh	Chưa có		CA Hà Nội	0	0	Con
3.5	Cao Khánh Nguyên	Chưa có		CA Hà Nội	0	0	Con
3.6	Nguyễn Công Minh	013318159	25/05/2010	CA Hà Nội	0	0	Em ruột
3.7	Nguyễn Văn Đính	013279571	27/03/2010	CA Hà Nội	0	0	Em ruột
3.8	Nguyễn Thị Huệ	013279376	20/3/2010	CA Hà Nội	0	0	Em ruột
3.9	Cao Tuy	25049000091	14/7/2016	CCS	0	0	Bố chồng
3.10	Nguyễn Thị Sánh	22151000081	28/1/2016	CCS	0	0	Mẹ chồng
3.11	Trương Minh Ngọc	1188021194	15/3/2019	CA Hà Nội	0	0	Chị dâu
3.12	Mạnh Thị Thanh Nga	013279572	27/03/2010	CA Hà Nội	0	0	Em dâu

QUẢN TRỊ CÔNG TY

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN ĐKDN, GPXH hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)			Cổ phần nắm giữ		Mối quan hệ/Chức vụ
		Số CMND/Hộ chiếu/ĐKDN	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty	
3.13	Vũ Thế Phú	001083000822	19/7/2013	CCS	0	0	Em rể
3.14	Công ty Cổ phần đầu tư VSD	2300940336	10/6/2016	Sở KH&ĐT tỉnh Bắc Ninh	0	0	Giám đốc tài chính
4	Nguyễn Thị Thanh Thủy	037159000708	06/03/2019	CCS QLHC về TTXH	1.500.000	10%	Thành viên HĐQT
4.1	Nguyễn Trường An	010350543	07/07/2011	Hà Nội	0	0	Bố đẻ
4.2	Nguyễn Thị Dung						Mẹ đẻ (đã mất)
4.3	Lê Minh Hải	040064000213	24/02/2017	Cục CS ĐKQLCT và DLQG về DC	0	0	Chồng
4.4	Lê Văn Thiêm						Bố chồng (đã mất)
4.5	Nguyễn Thị Thái						Mẹ chồng (đã mất)
4.6	Lê Khánh Huyền	013195007	23/04/2009	Hà Nội	0	0	Con gái
4.7	Lê Quốc Khánh	013367806	06/01/2011	Hà Nội	0	0	Con trai
4.8	Nguyễn Minh Hải	010397908	14/06/2007	Hà Nội	0	0	Anh trai
4.9	Nguyễn Nhất Linh	037057001208	31/08/2017	Cục CS ĐKQLCT và DLQG về DC	0	0	Anh trai
4.10	Nguyễn Thị Hạnh	001161002333	22/01/2015	Cục CS ĐKQLCT và DLQG về DC	0	0	Em gái
4.11	Công ty Cổ phần thép và vật tư công nghiệp	0100902925	19/12/2016	Sở KH&ĐT thành phố Hà Nội	750.000	5%	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
5	Lê Văn Thủy	171174467	25/4/2013	CA Thanh Hoá	300.000	2%	Thành viên HĐQT
5.1	Lê Văn Phẩm	171174266	12/07/2012	CA Thanh Hóa	0	0	Bố đẻ
5.2	Lê Thị Nguyệt	170528604	12/07/2012	CA Thanh Hóa	0	0	Mẹ đẻ
5.3	Lê Thị Xuân	171313685	10/08/2011	CA Thanh Hóa	0	0	Chị gái
5.4	Lê Thị Hương	171247783	25/05/2012	CA Thanh Hóa	0	0	Chị dâu
5.5	Lê Văn Hiếu	171318621	15/09/2010	CA Thanh Hóa	0	0	Em trai

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN ĐKDN, GPHĐ hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)			Cổ phần nắm giữ		Mối quan hệ/Chức vụ
		Số CMND/Hộ chiếu/ĐKDN	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty	
5.6	Lê Thị Tinh	171318620	24/04/2013	CA Thanh Hóa	0	0	Em gái
5.7	Lê Thị Nhung	038172001151	01/09/2016	CCSĐKQLCT&DL về DC	0	0	Em gái
5.8	Lê Văn Hoan	038074011728	19/05/2020	CCSQLHCVTTXH	0	0	Em trai
5.9	Trịnh Thị Ngân	171626516	25/04/2013	CA Thanh Hóa	0	0	Em dâu
5.10	Lê Thị Huệ	038178001663	20/09/2019	CCSĐKQLCT&DL về DC	0	0	Em dâu
5.11	Lê Khắc Thủy	170392411	12/07/2012	CA Thanh Hóa	0	0	Anh rể
5.12	Trần Văn Thắng	171318907	24/03/2008	CA Thanh Hóa	0	0	Em rể
5.13	Lê Văn Tuấn	171865999	24/10/2011	CA Thanh Hóa	0	0	Em rể
5.14	Hoàng Thị Thu Hiền	171317282	09/03/2011	CA Thanh Hóa	100.000	0,67%	Vợ
5.15	Hoàng Ty						Bố vợ (đã mất)
5.16	Nguyễn Thị Huệ	170516751	17/03/2009	CA Thanh Hóa	0	0	Mẹ vợ
5.17	Lê Hoàng Sơn	174185589	06/11/2015	CA Thanh Hóa	0	0	Con
5.18	Lê Hoàng Dương	038200001087	17/06/2016	CCSĐKQLCT&DL về DC	0	0	Con
5.19	Lê Thị Thùy Linh	173369984	20/01/2010	CA Thanh Hóa	0	0	Con dâu
6	Đình Thị Hạnh	024185001406	18/10/2019	Cục CS ĐKQLCT và DLQG về DC	0	0	Trưởng BKS
6.1	Nguyễn Văn Vĩnh	019082000492	18/10/19	Cục CS TTXH	0	0	Chồng
6.2	Nguyễn Hồng Vân	Chưa có CMND			0	0	Con
6.3	Nguyễn Hồng Anh	Chưa có CMND			0	0	Con
6.4	Đình Bá Thọ	122265803	25/7/14	Bắc Giang	0	0	Bố
6.5	Nguyễn Thị Hương	120425718	12/6/2008	Bắc Giang	0	0	Mẹ
6.6	Nguyễn Văn Vĩnh	019082000492	18/10/2019	CCSQLHCVTTXH	0	0	Bố chồng
6.7	Nguyễn Thị Lan	0903620010	9/5/2020	Thái Nguyên	0	0	Mẹ chồng

QUẢN TRỊ CÔNG TY

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN ĐKDN, GPMB hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)			Cổ phần nắm giữ		Mối quan hệ/Chức vụ
		Số CMND/Hộ chiếu/ĐKDN	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty	
6.8	Đình Bá Hội Mạnh	121447529	9/5/2015	Bắc Giang	0	0	Anh trai
6.9	Trần Thị Thúy Lan	122331887	17/6/2016	Bắc Giang	0	0	Chị dâu
6.10	Công ty CP XD&NL VCP	2800799804	18/05/2004	Sở KH&ĐT Thanh Hóa	7.650.000	51%	Thành viên BKS
6.11	Công ty CP ĐT&XL Sông Đà	0500450173	20/05/2004	Sở KH&ĐT Hà Nội	0	0	Thành viên BKS
6.12	Công ty CP Thủy điện Bái Thượng	2801952893	02/05/2013	Sở KH&ĐT TP Thanh Hóa	0	0	Thành viên BKS
6.13	Công ty CP Thủy điện Nậm La	5500290578	10/8/2007	Sở KH&ĐT Sơn La	0	0	Thành viên BKS
7	Nguyễn Hồ Ngọc	038091009818	26/02/2018	CCS ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư	0	0	Thành viên BKS
7.1	Nguyễn Hồ Loan	013059729	9/4/2008	CA TP Hà Nội	0	0	Bố đẻ
7.2	Đỗ Thị Hồng	013059657	8/4/2008	CA TP Hà Nội	0	0	Mẹ đẻ
7.3	Nguyễn Hồ Duẩn	038093014594	09/5/2019	Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự Xã hội	0	0	Em ruột
7.4	Chu Thị Diễm My	001195006783	27/4/2018	Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư	0	0	Vợ
7.5	Chu Văn Hương	111408184	06/6/2013	CA TP Hà Nội	0	0	Bố vợ
7.6	Khuất Thị Luận	001172019879	01/10/2019	Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư	0	0	Mẹ vợ
7.7	Nguyễn Hồ Bảo Long	Chưa có CMND			0	0	Con ruột
7.8	Công ty CP XD&NL VCP	2800799804	18/05/2004	Sở KH&ĐT Thanh Hóa	7.650.000	51%	Thành viên BKS
8	Trần Xuân Ninh	012589772	29/05/2008	CA Hà Nội	0	0	Thành viên BKS
8.1	Trần Thị Hà Phương	017191000024	22/07/2014	Cục CS ĐKQLCT và DLQG về DC	0	0	Vợ
8.2	Trần Bảo Anh Thư	Chưa có CMND			0	0	Con gái

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN ĐKDN, GPMD hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)			Cổ phần nắm giữ		Mối quan hệ/Chức vụ
		Số CMND/Hộ chiếu/ĐKDN	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty	
8.3	Trần Hữu Nam	036057000121	25/12/2014	Cục CS ĐKQLCT và DLQG về DC	0	0	Bố đẻ
8.4	Nguyễn Thị Tân Châu	036159004307	24/07/2018	Cục CS ĐKQLCT và DLQG về DC	0	0	Mẹ đẻ
8.5	Trần Văn Thái	017062000004	13/10/2014	Cục CS ĐKQLCT và DLQG về DC	0	0	Bố vợ
8.6	Đình Thị Thùy	017167000005	22/07/2014	Cục CS ĐKQLCT và DLQG về DC	0	0	Mẹ vợ
8.7	Trần Thọ Khang	036087000178	18/12/2014	Cục CS ĐKQLCT và DLQG về DC	0	0	Em trai
9	Phạm Quang Minh	001075019121	20/06/2018	Cục CS ĐKQLCT và DLQG về DC	0	0	Tổng Giám đốc
9.1	Sầm Thị Thanh Hưng	026182000975	18/8/2015	Cục CS ĐKQLCT và DLQG về DC	0	0	Vợ
9.2	Phạm Văn Lăng						Bố đẻ (đã mất)
9.2	Nguyễn Thị Chúc	030157003394	04/10/2018	Cục CS ĐKQLCT và DLQG về DC	0	0	Mẹ đẻ
9.3	Sầm Thanh	004048000008	04/10/2017	Cục CS ĐKQLCT và DLQG về DC	0	0	Bố vợ
9.4	Triệu Thị Đức	1315576302	06/04/2009	CA tỉnh Vĩnh Phúc	0	0	Mẹ vợ
9.5	Phạm Sầm Trúc Anh	Chưa có CMND			0	0	Con đẻ
9.6	Phạm Minh Trúc An	Chưa có CMND			0	0	Con đẻ
9.7	Phạm Đức Khôi	Chưa có CMND			0	0	Con đẻ
9.8	Phạm Văn Cường	030083002305	28/4/2016	Cục CS ĐKQLCT và DLQG về DC	0	0	Em trai

QUẢN TRỊ CÔNG TY

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN ĐKDN, GPXH hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)			Cổ phần nắm giữ		Mối quan hệ/Chức vụ
		Số CMND/Hộ chiếu/ĐKDN	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty	
9.9	Phạm Út Thương	142638458	26/8/2008	Hải Dương	0	0	Em trai
9.10	Chu Thị Phương Minh	026184001059	04/11/2015	Cục CS ĐKQLCT và DLQG về DC	0	0	Em dâu
9.11	Nguyễn Thị Xoa	142822611	29/5/2012	Hải Dương	0	0	Em dâu
10	Đình Thùy Lâm	012150988	17/07/2006	CA Hà Nội	0	0	Kế toán trưởng
10.1	Đình Công Tem	034047001168	31/5/2016	Cục CS ĐKQLCT và DLQG về DC	0	0	Bố đẻ
10.2	Hà Thị Cán	035149000088	27/5/2015	Cục CS ĐKQLCT và DLQG về DC	32.000	0,21%	Mẹ đẻ
10.3	Dương Văn Thư						Bố chồng (đã mất)
10.4	Phạm Thị Thành	132116066	23/03/2008	CA tỉnh Phú Thọ	0	0	Mẹ chồng
10.5	Dương Quốc Toàn	131533000	20/4/2006	Phú Thọ	0	0	Chồng
10.6	Đình Thái Hà	012564652	28/3/2011	Hà Nội	149.400	1%	Chị gái
10.7	Đình Tiểu Thái	012452888	16/6/2011	Hà Nội	0	0	Chị gái
10.8	Đình Nam Sơn	038080000045	11/10/2013	Cục CS ĐKQLCT và DLQG về DC	0	0	Anh trai
10.9	Phạm Bảo Long	26074000025	04/12/2013	Cục CS ĐKQLCT và DLQG về DC	0	0	Anh rể
10.10	Bùi Việt Hùng	011766649	08/6/2012	Hà Nội	0	0	Anh rể
11	Công ty CP XD&NL VCP	2800799804	18/05/2004	Sở KH&ĐT Thanh Hóa	7.650.000	51%	Cổ đông lớn, người có liên quan của người nội bộ
12	Công ty Cổ phần Thép và vật tư công nghiệp	0100902925	19/12/2016	Sở KH&ĐT thành phố Hà Nội	750.000	5%	Cổ đông lớn, người có liên quan của người nội bộ

6. Thống kê các giao dịch giữa công ty với người có liên quan theo quy định (các giao dịch liên quan phát sinh trong năm và kỳ gần nhất)

Đơn vị: Đồng

TT	BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN HỆ	NỘI DUNG NGHIỆP VỤ	31/12/2020	30/06/2021
1	CTCP Xây dựng và Năng lượng VCP	Công ty mẹ	Mua hàng hóa dịch vụ	949.650.000	439.909.090
			Thanh toán tiền mua hàng hóa dịch vụ	-	6.428.257.287
			Chi trả cổ tức 2019	-	9.180.000.000
			Chi trả cổ tức năm 2020	-	3.825.000.000
			Tiền vay nhận được	5.000.000.000	-
			Tiền vay đã trả	5.000.000.000	-
2	CTCP Cơ điện VCP	Có cùng công ty mẹ	Mua hàng hóa và dịch vụ	357.500.000	256.250.000
			Thanh toán tiền mua hàng hóa dịch vụ	-	632.500.000
			Chi trả cổ tức năm 2020	-	375.000.000
3	CTCP Thủy điện Bái Thượng	Có cùng công ty mẹ	Thu lại tiền gốc vay	200.000.000	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 và BCTC Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/6/2021 đã được soát xét của Công ty)

IV. CAM KẾT

Các thông tin trên do Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh cung cấp và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác của Bản công bố thông tin này.

V. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
2. **Phụ lục II:** Điều lệ Công ty
3. **Phụ lục III:** Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 và BCTC Quý II/2021 đã được soát xét của Công ty
4. **Phụ lục IV:** Tài liệu khác

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH
CTCP THỦY ĐIỆN XUÂN MINH
TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM QUANG MINH

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CTCP CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM NGỌC HIỆP